

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**



SỔ TAY SINH VIÊN

LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2017

GIỚI THIỆU

VỀ HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Học viện Hàng không Việt Nam được thành lập ngày 17/07/2006 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Hàng không Việt Nam (thành lập ngày 24/03/1979), có bề dày truyền thống 37 năm hình thành và phát triển, ngày truyền thống của Học viện là ngày 24 tháng 03. Học viện là cơ sở đào tạo công lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành hàng không dân dụng.

***Sứ mạng:** Cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cho ngành hàng không và cho xã hội; nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển của ngành hàng không nói riêng và kinh tế đất nước nói chung.*

***Tâm nhìn:** Trở thành cơ sở cung ứng dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước và khu vực hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Học viện hiện đào tạo 4 ngành trình độ Đại học hệ chính quy (Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông, Quản lý hoạt động bay và Kỹ thuật hàng không). Ngoài ra, Học viện còn đào tạo các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn hàng

không.

Học viện được tổ chức thành 6 phòng ban chức năng (Phòng Đào tạo, Tổ chức cán bộ và Quản lý sinh viên, Hành chính – Tổng hợp, Khoa học công nghệ, Tài chính – Kế toán, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng), 7 khoa chuyên môn (Khoa Vận tải hàng không, Điện tử viễn thông, Không lưu, Kỹ thuật hàng không, Cảng hàng không, Cơ bản, Bổ túc cán bộ và hợp tác quốc tế) và 5 trung tâm (Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ hàng không, TT Ngoại ngữ - tin học hàng không, TT Đào tạo Phi công, TT Dịch vụ và tư vấn hàng không, TT hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên).

Học viện gồm 3 cơ sở:

Trụ sở chính: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38442251

Fax: 08.38447523

Website: www.vaa.edu.vn

Email: info@vaa.edu.vn

Cơ sở 2: F100 – 18A/1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 243 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Cam Ranh (Sân bay Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa)

Fanpage: <https://www.facebook.com/avationacademy/>

LỜI NÓI ĐẦU

Sổ tay này dùng cho sinh viên đại học hệ chính quy Học viện Hàng không Việt Nam, được phát hành vào đầu năm học của khóa học, nhằm cung cấp những thông tin cần thiết về đào tạo đại học hệ chính quy, để sinh viên chủ động tổ chức, sắp xếp công việc học tập của mình một cách hợp lý, nhằm đạt kết quả tốt nhất trong việc học tập.

Sổ tay sinh viên gồm có 6 phần:

Phần 1: Một số quy định chung

Phần 2: Chương trình đào tạo

Phần 3: Quy chế đào tạo đại học

Phần 4: Các quy định, quy trình, biểu mẫu

Phần 5: Thông tin về công tác quản lý sinh viên

Phần 6: Thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

Phần 7: Công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên

Phần 8: Hướng dẫn đăng ký học phần trực tuyến

Phần 9: Hướng dẫn thanh toán học phí trực tuyến qua cổng thanh toán Viettin Bank

Để công tác học vụ đại học được vận hành một cách có hiệu quả, sinh viên cần tìm hiểu cặn kẽ, chi tiết về nội

dung và thực hiện đầy đủ các qui chế, quy định được hướng dẫn trong sổ tay, hoặc trên trang cổng thông tin sinh viên của Học viện Hàng không Việt Nam.

Cổng thông tin sinh viên: sv.vaa.edu.vn

Mọi ý kiến thắc mắc về công tác đào tạo sinh viên liên hệ:

Phòng Đào tạo, Học viện Hàng không Việt Nam

Phòng A10, 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8

Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 – 38 44 92 42

Email: daotao@vaa.edu.vn

MỤC LỤC

Lời nói đầu	4
Phần 1: Một số quy định chung	7
Phần 2: Chương trình đào tạo Đại học	10
Phần 3: Quy chế đào tạo đại học	106
Phần 4: Các quy định, quy trình, biểu mẫu.....	137
Phần 5: Thông tin về công tác quản lý sinh viên	185
Phần 6: Thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên.....	190
Phần 7: Công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên	194
Phần 8: Hướng dẫn đăng ký học phần trực tuyến.....	196
Phần 9: Hướng dẫn thanh toán học phí trực tuyến qua cổng thanh toán Viettin Bank	201

Phần 1: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

- Tài khoản trên cổng thông tin sinh viên:** mỗi sinh viên được cấp 1 tài khoản sinh viên trên trang *sv.vaa.edu.vn* để theo dõi thời khóa biểu, công nợ sinh viên, kết quả học tập, đăng ký học phần và theo dõi các thông tin liên quan khác. Email hỗ trợ tài khoản sinh viên trên hệ thống: support@vaa.edu.vn (sinh viên liên hệ địa chỉ email này nếu gặp vấn đề khi truy cập tài khoản sinh viên), điện thoại liên hệ: **028-38440771**.
- Lịch tiếp sinh viên của các Phòng, Khoa, Trung tâm trong Học viện:**

Sinh viên liên hệ công tác với các đơn vị trong Học viện vào **thứ 3 và thứ 5** hàng tuần:

 - Buổi sáng từ 08:00 đến 11:00
 - Buổi chiều từ 14:00 đến 17:00
- Quy định về đăng ký học phần:** sinh viên theo dõi và cập nhật thường xuyên thông tin trên cổng thông tin sinh viên: *sv.vaa.edu.vn*. Thời gian đăng ký học phần được Phòng Đào tạo thông báo và diễn ra trước khi bắt đầu học kỳ mới (trừ học kỳ đầu tiên của khóa học). Sinh viên cần đọc kỹ thông báo và hướng dẫn, đăng ký đúng thời gian quy định. Phòng Đào tạo không giải quyết các trường hợp sinh viên đăng ký muộn hoặc không đăng ký

- học phần trong thời gian quy định.
4. **Quy định về đóng học phí:** sinh viên phải đóng học phí đúng thời hạn quy định sau khi đăng ký học phần thành công. Trường hợp đặc biệt không thể hoàn thành học phí đúng thời gian quy định, sinh viên phải đơn xin gia hạn thời gian đóng học phí và nộp đơn về phòng Tài chính – Kế toán trước khi hết hạn đóng học phí theo thông báo. Sinh viên không đóng học phí đúng thời gian quy định sẽ không có tên trong danh sách lớp học phần, không được dự thi, được xem như vi phạm nội quy của Học viện, không được xét học bổng học tập của học kỳ đó, không được xét thi đua khen thưởng và các chế độ khác của Học viện (nếu có).

 5. **Quy định về rèn luyện sinh viên và sinh hoạt Đoàn – Hội:** sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện, sinh hoạt Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tại Học viện trong thời gian học tập, hoàn thành chương trình rèn luyện sinh viên và rèn luyện Đoàn viên theo quy định (đóng đoàn phí đầy đủ và hoàn thành đủ từ 12 ngày rèn luyện đoàn viên trở lên trong toàn khóa học). Văn phòng Đoàn: G111, cơ sở 2.
<https://www.facebook.com/doanhohocvienhangkhong>
Panpage: <https://www.facebook.com/DoanTNHoiSV.VAA>

 6. **Thông tin sinh viên:** sinh viên cần theo dõi thường xuyên, liên tục thông tin cá nhân, điểm và các thông tin có liên quan khác. Nếu có sai sót phải kịp thời báo cáo các đơn vị chức năng của Học viện để xử lý.

7. **Xin xác nhận kết quả học tập:** sinh viên muốn xin xác nhận kết quả học tập (bảng điểm) cần tải mẫu đơn trên trang sv.vaa.edu.vn, điền đầy đủ thông tin, nộp về phòng Hành chính một cửa và nhận kết quả sau 1 tuần nộp đơn.

8. **Phiếu đăng ký làm bằng tốt nghiệp:** sinh viên xin xác nhận của các bộ phận có liên quan, nộp lệ phí và nộp phiếu đăng ký làm bằng tốt nghiệp trước khi kết thúc khóa học theo lớp về phòng Hành chính một cửa. Lưu ý ghi chính xác thông tin của sinh viên để làm bằng.

*Sinh viên tải các thông tin, biểu mẫu trên trang:
sv.vaa.edu.vn*

Phần 2:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

I. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH:

1. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp

Trình độ đào tạo: Đại học

1.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ

(Không tính các học phần GDQP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- | | |
|--|------------|
| - Khối kiến thức chung | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức Toán và KHTN hoặc
Khối kiến thức KHXX-NV | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở khối ngành | 6 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở ngành | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức ngành | 23 tín chỉ |
| - Khối kiến thức bổ trợ | 27 tín chỉ |
| - Khối kiến thức chuyên ngành | 22 tín chỉ |
| - Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp | 10 tín chỉ |

1.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Khối kiến thức chung	16						
1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	54		21			
2	ĐLCHM của ĐCSVN	3	31		14			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	2	6			
4	Anh văn 1	3	25	12	8			
5	Anh văn 2	3	25	12	8		4	
6	Giáo dục thể chất 1							
7	Giáo dục thể chất 2							
8	Giáo dục thể chất 3							
9	Giáo dục thể chất 4							
10	Giáo dục thể chất 5							

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
11	Giáo dục quốc phòng							
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học TN hoặc KHXH và nhân văn	16						
12	Toán cao cấp	4	47	13				
13	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3	35	10			12	
14	Tin học đại cương	3	12	12		50		
15	Pháp luật đại cương	2	25		5			
16	Luật kinh tế	2	25		5			
17	Tâm lý học đại cương	2	25		5			
III	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6						
18	Kinh tế vi mô	3	35	10				
19	Kinh tế vĩ mô	3	35	10				

Số tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
IV	Khối kiến thức cơ sở ngành	16						
20	Marketing căn bản	3	35		10			
21	Nguyên lý kế toán	3	35	10				
22	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	25	5				
23	Kinh tế lượng	3	35	10				
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	35	10				
25	Quản trị học	2	25		5			
V	Khối kiến thức ngành	23						
26	Quản trị tài chính	3	30	15				
27	Kế toán quản trị	3	30	15				
28	Quản trị nguồn nhân lực	3	35		10		25	
29	Quản trị chất lượng	2	25		5			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
30	Quản trị chiến lược	3	35		10			
31	Quản trị dự án	3	35	10				
32	Thanh toán quốc tế	2	20	10				
33	Đạo đức kinh doanh	2	25		5			
34	Quản trị thương hiệu	2	25		5			
	Văn hóa doanh nghiệp		25	5				
VI	Khối kiến thức bổ trợ	27						
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	25		5			
36	Pháp luật hàng không	3	35		10			
37	Quản trị sản xuất và điều hành	2	25		5			
38	Tổng quan về về HKDD	3	35		10			
39	Kinh tế vận tải hàng không	3	35		10		18,38	

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
40	Tổ chức khai thác HK I	3	35		10			
41	Anh văn chuyên ngành I	3	40	20			5	
42	Anh văn chuyên ngành II	3	40	20			41	
43	Anh văn chuyên ngành III	3	40	20			42	
44	Kỹ năng mềm I (Thuyết trình và làm việc nhóm)	1						
46	Kỹ năng mềm II (Xin việc, phỏng vấn và luật lao động)	1						
47	Kiến tập	1						
VII	Khối kiến thức chuyên ngành	22						
48	Nghiên cứu thị trường	2	20	10				
49	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15			26	

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
50	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	25		5			
51	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	25		5		25	
52	Quản trị bán hàng	2	25		5			
53	Quản trị công nghệ	2	25	5				
54	Quản trị Logistics	3	35		10		25	
55	Quản trị rủi ro	3	35		10			
56	Quản trị Marketing	3	35		10		20	
VIII	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10						
57	Thực tập và viết BCTT	4						
58	Quản trị hãng hàng không	3					Học phần thay KL	
	Nghệ thuật lãnh đạo	3					Học phần thay KL	
	Khóa luận TN	6						

Số tay sinh viên

Sổ tay sinh viên

1.3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

HỌC KỲ	STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
I	1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
	2	Toán cao cấp	4
	3	Giáo dục thể chất 1	1
	4	Tin học đại cương	3
	5	Pháp luật đại cương	2
	6	Giáo dục quốc phòng 2,3	5
			20
II	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Anh văn 1	3
	3	Tâm lý học đại cương	2
	4	Kinh tế vi mô	3
	5	Nguyên lý kế toán	3
	6	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3
	7	Giáo dục quốc phòng 1	3

Số tay sinh viên

	8	Giáo dục thể chất 2	1
			20
III	1	ĐLCM của ĐCSVN	3
	2	Anh văn 2	3
	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
	4	Quản trị học	2
	5	Tổng quan về HKDD	3
	6	Kinh tế lượng	3
	7	Kinh tế vĩ mô	3
	8	Giáo dục thể chất 3	1
	9	Kiến tập	1
			21
IV	1	Quản trị nguồn nhân lực	3
	2	Marketing căn bản	3
	3	Thanh toán quốc tế	2
	4	Quản trị chất lượng	2
	5	Pháp luật hàng không	3
	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3

Số tay sinh viên

	7	Giáo dục thể chất 4	1
			17
V	1	Anh văn chuyên ngành I	3
	2	Quản trị thương hiệu	2
		Văn hóa doanh nghiệp	
	3	Quản trị Logistic	3
	4	Quản trị tài chính	3
	5	Quản trị kinh doanh quốc tế	2
	6	Luật kinh tế	2
	8	Kinh tế vận tải hàng không	3
	9	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	1
	10	Giáo dục thể chất 5	1
			20
VI	1	Quản trị sản xuất và điều hành	2
	2	Anh văn chuyên ngành II	3
	3	Đạo đức kinh doanh	2
	4	Kế toán quản trị	3
	5	Phân tích hoạt động KD	3

Số tay sinh viên

	6	Quản trị công nghệ	2
	7	Quản trị bán hàng	2
	8	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2
			19
VII	1	Quản trị marketing	3
	2	Quản trị chiến lược	3
	3	Phương pháp NCKH	2
	4	Quản trị rủi ro	3
	5	Tổ chức khai thác HK I	3
	6	Quản trị dự án	3
	8	Nghiên cứu thị trường	2
	9	Anh văn chuyên ngành III	3
			22
VIII	1	Kỹ năng xin việc, phỏng vấn và luật lao động	1
	2	Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo	4
	3	Nghệ thuật Lãnh đạo	3
		Quản trị hãng hàng không	3
		Khóa luận TN	6

Số tay sinh viên

			11
TỔNG SỐ			149

Sở tay sinh viên

1.4. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và chứng nhận hoàn thành thực tập tổng quan về hoạt động Hàng không dân dụng.

- Trình độ ngoại ngữ : tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

- Tin học: chứng chỉ B

2. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh vận tải hàng không

Trình độ đào tạo: Đại học

2.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ

(Không tính các học phần GDQP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- Khối kiến thức chung	16 tín chỉ
- Khối kiến thức Toán và KHTN hoặc Khối kiến thức KHXH-NV	16 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành	16 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành	21 tín chỉ
- Khối kiến thức bổ trợ	28 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành	21 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10 tín chỉ

2.2.Khung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Khối kiến thức chung	16						
1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	54		21			
2	ĐLCM của ĐCSVN	3	31		14			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	2	6			
4	Anh văn 1	3	25	12	8			
5	Anh văn 2	3	25	12	8		4	
7	Giáo dục thể chất 1							
8	Giáo dục thể chất 2							
9	Giáo dục thể chất 3							
10	Giáo dục thể chất 4							

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
11	Giáo dục thể chất 5							
12	Giáo dục quốc phòng							
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học TN hoặc KHXH và nhân văn	16						
13	Toán cao cấp	4	47	13				
14	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3	35	10			13	
15	Tin học đại cương	3	12	12		50		
16	Pháp luật đại cương	2	25		5			
17	Luật kinh tế	2	25		5			
18	Tâm lý học đại cương	2	25		5			
III	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6						

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
19	Kinh tế vi mô	3	35	10				
20	Kinh tế vĩ mô	3	35	10				
IV	Khối kiến thức cơ sở ngành	16						
21	Marketing căn bản	3	35		10			
22	Nguyên lý kế toán	3	35	10				
23	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	25	5				
24	Kinh tế lượng	3	35	10				
25	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	35	10				
26	Quản trị học	2	35		10			
V	Khối kiến thức ngành	21						
27	Quản trị tài chính	3	30	15				

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
28	Quản trị dự án	3	30	15				
29	Quản trị nguồn nhân lực	3	35		10		26	
30	Quản trị chất lượng	2	35		10			
31	Quản trị chiến lược	3	35		10			
32	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15			27	
33	Thanh toán quốc tế	2	20	10				
34	Quản trị thương hiệu	2	25		5			
	Văn hóa doanh nghiệp		25	5				
VI	Khối kiến thức bổ trợ	27						
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	25		5			
36	Pháp luật hàng không	3	35		10			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
37	Tổng quan về HKDD	3	35		10			
38	An toàn hàng không	2						
39	C/chỉ và cấp phép hoạt động HK	3	35		10			
40	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	3	30		15		37	
41	Anh văn chuyên ngành I	3					5	
42	Anh văn chuyên ngành II	3					41	
43	Anh văn chuyên ngành III	3					42	
44	Kỹ năng mềm I (Thuyết trình và làm việc nhóm)	1						
45	Kỹ năng mềm II (Xin việc, phỏng vấn và luật lao động)	1						
46	Kiến tập	1						

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
VII	Khối kiến thức chuyên ngành	21						
47	Kinh tế vận tải hàng không	3	30	15			19,37	
48	Marketing hàng không	3	35		10		21,37	
49	Bảo hiểm hàng không	3					37	
50	Khai thác thương mại tàu bay	3						
51	Quản trị hãng hàng không	3	35		10		37	
52	Vận tải hàng hóa HK	3	35		10		37	
53	Tổ chức khai thác HK I	3	30		15			
54	Tổ chức khai thác HK II	3	30		15			
VIII	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10						
55	Thực tập và viết BCTT	4						

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
56	Quản lý khai thác mặt đất	3					Học phần thay KL	
	Quản lý hoạt động khai thác bay	3					Học phần thay KL	
	Quản trị khai thác cảng HK, SB							
	Khóa luận TN	6						

2.3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

HỌC KỲ	STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
I	1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
	2	Toán cao cấp	4
	3	Giáo dục thể chất 1	1

Sở tay sinh viên

	4	Tin học đại cương	3
	5	Pháp luật đại cương	2
	6	Giáo dục quốc phòng 2,3	5
			20
II	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Anh văn 1	3
	3	Tâm lý học đại cương	2
	4	Kinh tế vi mô	3
	5	Nguyên lý kế toán	3
	6	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3
	7	Giáo dục quốc phòng 1	3
	8	Giáo dục thể chất 2	1
			20
III	1	ĐLCCM của ĐCSVN	3
	2	Anh văn 2	3
	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
	4	Quản trị học	2
	5	Tổng quan về HKDD	3

Sở tay sinh viên

	6	Kinh tế lượng	3
	7	Kinh tế vĩ mô	3
	8	Giáo dục thể chất 3	1
	9	Kiến tập	1
			21
IV	1	Quản trị nguồn nhân lực	3
	2	Marketing căn bản	3
	3	Thanh toán quốc tế	2
	4	Quản trị chất lượng	2
	5	Pháp luật hàng không	3
	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
	7	Giáo dục thể chất 4	1
			17
V	1	Anh văn chuyên ngành I	3
	2	Quản trị thương hiệu	2
		Văn hóa doanh nghiệp	
	3	An toàn hàng không	2
4	Quản trị tài chính	3	

Sổ tay sinh viên

	5	Quy tắc quốc tế về VCHK	3
	6	Luật kinh tế	2
	8	Kinh tế vận tải hàng không	3
	9	Kỹ năng thuyết trình	1
	10	Giáo dục thể chất 5	1
			20
VI	1	Anh văn chuyên ngành II	3
	2	Tổ chức khai thác HK I	3
	3	C/chỉ và cấp phép hoạt động HK	3
	4	Phân tích hoạt động KD	3
	5	Marketing hàng không	3
	6	Khai thác thương mại tàu bay	3
			18
VII	1	Quản trị hãng hàng không	3
	2	Quản trị chiến lược	3
	3	Phương pháp NCKH	2
	4	Vận tải hàng hóa HK	3
	5	Tổ chức khai thác HK II	3

Sổ tay sinh viên

	6	Quản trị dự án	3
	7	Bảo hiểm hàng không	3
	8	Anh văn chuyên ngành III	3
			23
VIII	1	Kỹ năng xin việc, phỏng vấn và luật lao động	1
	3	Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo	4
	4	Quản lý khai thác mặt đất	3
		Quản lý hoạt động khai thác bay bay	3
		Khóa luận TN	6
			11
TỔNG SỐ			149

2.4. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và chứng nhận hoàn thành thực tập tổng quan về hoạt động Hàng không dân dụng.

- Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

- Tin học: chứng chỉ B

3. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh cảng hàng không Trình độ đào tạo: Đại học

3.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ

(Không tính các học phần GDQP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- Khối kiến thức chung	16 tín chỉ
- Khối kiến thức Toán và KHTN hoặc Khối kiến thức KHXH-NV	16 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành	16 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành	21 tín chỉ
- Khối kiến thức bổ trợ	27 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành	24 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10 tín chỉ

3.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Khối kiến thức chung	16						
1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	54		21			
2	ĐLCM của ĐCSVN	3	31		14			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	2	6			
4	Anh văn 1	3	25	12	8			
5	Anh văn 2	3	25	12	8		4	
6	Giáo dục thể chất 1							
7	Giáo dục thể chất 2							
8	Giáo dục thể chất 3							
9	Giáo dục thể chất 4							
10	Giáo dục thể chất 5							

Số tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
11	Giáo dục quốc phòng							
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học TN hoặc KHXH và nhân văn	16						
12	Toán cao cấp	4	47	13				
13	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3	35	10			12	
14	Tin học đại cương	3	12	12		50		
15	Pháp luật đại cương	2	25		5			
16	Luật kinh tế	2	25		5			
17	Tâm lý học đại cương	2	25		5			
III	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6						
18	Kinh tế vi mô	3	35	10				
19	Kinh tế vĩ mô	3	35	10				

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
IV	Khối kiến thức cơ sở ngành	16						
20	Marketing căn bản	3	35		10			
21	Nguyên lý kế toán	3	35	10				
22	Nguyên lý thống kê kinh doanh	2	25	5				
23	Kinh tế lượng	3	35	10				
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	35	10				
25	Quản trị học	2	35		10			
V	Khối kiến thức ngành	21						
26	Quản trị tài chính	3	30	15				
27	Quản trị dự án	3	35	10				
28	Quản trị nguồn nhân lực	3	35		10		25	
29	Quản trị chất lượng	2	35		10			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
30	Quản trị chiến lược	3	35		10			
31	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15			26	
32	Thanh toán quốc tế	2	20	10				
33	Quản trị thương hiệu	2	25		5			
	Văn hóa doanh nghiệp		25	5				
VI	Khối kiến thức bổ trợ	27						
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	25		5			
35	Pháp luật hàng không	3	35		10			
36	An toàn hàng không	2						
37	Tổng quan về HKDD	3	35		10			
38	C/chỉ và cấp phép hoạt động HK	3	35		10			
39	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	3	30		15		37	

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
40	Anh văn chuyên ngành I	3					5	
41	Anh văn chuyên ngành II	3					40	
42	Anh văn chuyên ngành III	3					41	
43	Kỹ năng mềm I (Thuyết trình và làm việc nhóm)	1						
44	Kỹ năng mềm II (Xin việc, phỏng vấn và luật lao động)	1						
45	Kiến tập	1						
VII	Khối kiến thức chuyên ngành	24						
46	Kinh tế vận tải hàng không	3	30	15			18,37	
47	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	30		15			
48	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	30		15			

Số tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tùng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
49	Marketing Cảng hàng không	3	35		10		20,37	
50	Quản trị thương mại Cảng HK	3	30		15		18,37	
51	Quy hoạch Cảng HK	3	30		15			
52	Khí tượng Hàng Không	3	30		15			
53	Quản lý khai thác mặt đất	3						
VIII	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10						
54	Thực tập và viết BCTT	4						
55	Quản trị thiết bị Cảng HK	3					Học phần thay KL	
	Tổ chức khai thác HK I	3					Học phần thay KL	
	Khóa luận TN	6						

Số tay sinh viên

Sổ tay sinh viên

3.3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

HỌC KỲ		HỌC PHẦN	SỐ TC
I	1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
	2	Toán cao cấp	4
	4	Giáo dục thể chất 1	1
	5	Tin học đại cương	3
	6	Pháp luật đại cương	2
	8	Giáo dục quốc phòng 2,3	5
			20
II	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Anh văn 1	3
	3	Tâm lý học đại cương	2
	4	Kinh tế vi mô	3
	5	Nguyên lý kế toán	3
	6	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3
	7	Giáo dục quốc phòng 1	3
	8	Giáo dục thể chất 2	1

Sở tay sinh viên

			20
III	1	ĐLKM của ĐCSVN	3
	2	Anh văn 2	3
	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
	4	Quản trị học	2
	5	Tổng quan về HKDD	3
	6	Kinh tế lượng	3
	7	Kinh tế vĩ mô	3
	8	Giáo dục thể chất 3	1
	9	Kiến tập	1
			21
IV	1	Quản trị nguồn nhân lực	3
	2	Marketing căn bản	3
	3	Thanh toán quốc tế	2
	4	Quản trị chất lượng	2
	5	Pháp luật hàng không	3
	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
	7	Giáo dục thể chất 4	1

Sổ tay sinh viên

			17
V	1	Anh văn chuyên ngành I	3
	2	Quản trị thương hiệu	2
		Văn hóa doanh nghiệp	
	3	An toàn hàng không	2
	4	Quản trị tài chính	3
	5	Quy tắc quốc tế về VCHK	3
	6	Luật kinh tế	2
	8	Kinh tế vận tải hàng không	3
	9	Kỹ năng thuyết trình - làm việc nhóm	1
	10	Giáo dục thể chất 5	1
			20
VI	1	Anh văn chuyên ngành II	3
	2	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3
	3	C/chỉ và cấp phép hoạt động HK	3
	4	Phân tích hoạt động KD	3
	5	Marketing Cảng hàng không	3
	6	Quản lý khai thác mặt đất	3

Sổ tay sinh viên

			18
VII	1	Quản trị thương mại Cảng HK	3
	2	Quản trị chiến lược	3
	3	Phương pháp NCKH	2
	4	Quy hoạch Cảng HK	3
	5	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3
	6	Quản trị dự án	3
	7	Khí tượng Hàng Không	3
	8	Anh văn chuyên ngành III	3
			23
VIII	1	Kỹ năng xin việc và phỏng vấn và luật lao động	1
	3	Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo	4
	4	Tổ chức khai thác hàng không I	3
		Quản trị thiết bị Cảng HK	3
		Khóa luận TN	6
			11
TỔNG SỐ			149

Sổ tay sinh viên

3.4. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và chứng nhận hoàn thành thực tập tổng quan về hoạt động Hàng không dân dụng.
- Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.
- Tin học: chứng chỉ B

4. Chuyên ngành: Quản trị du lịch
Trình độ đào tạo: Đại học

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ

(Không tính các học phần GDQP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Khối kiến thức chung | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức Toán và KHTN hoặc
Khối kiến thức KHXXH-NV | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở khối ngành | 6 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở ngành | 16 tín chỉ |
| - Khối kiến thức ngành | 10 tín chỉ |
| - Khối kiến thức bổ trợ | 27 tín chỉ |
| - Khối kiến thức chuyên ngành | 35 tín chỉ |
| - Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp | 10 tín chỉ |

4.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Khối kiến thức chung	16						
1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	54		21			
2	ĐLCM của ĐCSVN	3	31		14			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	2	6			
4	Anh văn 1	3	25	12	8			
5	Anh văn 2	3	25	12	8		4	
6	Giáo dục thể chất 1							
7	Giáo dục thể chất 2							
8	Giáo dục thể chất 3							
9	Giáo dục thể chất 4							
10	Giáo dục thể chất 5							
11	Giáo dục quốc phòng							
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học TN	16						

Số tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	hoặc KHXH và nhân văn							
12	Toán cao cấp	4	47	13				
13	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3	35	10			12	
14	Tin học đại cương	3	12	12		50		
15	Pháp luật đại cương	2	25		5			
16	Pháp luật du lịch	2	25		5			
17	Tâm lý học đại cương	2	25		5			
III	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	6						
18	Kinh tế vi mô	3	35	10				
19	Kinh tế vĩ mô	3	35	10				
IV	Khối kiến thức cơ sở ngành	16						
20	Marketing căn bản	3	35		10			
21	Nguyên lý kế toán	3	35	10				
22	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	25	5				

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
23	Kinh tế lượng	3	35	10				
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	35	10				
25	Quản trị học	2	35		10			
V	Khối kiến thức ngành	10						
26	Quản trị tài chính	3	30	15				
27	Quản trị nguồn nhân lực	3	35		10		25	
28	Quản trị chất lượng	2	35		10			
29	Thanh toán quốc tế	2	20	10				
VI	Khối kiến thức bổ trợ	27						
30	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25		5			
31	Nghiệp vụ buồng		25		5			
32	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	35		10			
33	Tổng quan về HKDD	3	35		10			
34	Pháp luật về hàng không	3	35		10			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
35	Marketing hàng không	3	35		10			20,33
	Tổ chức khai thác HK I	3	35		10			
36	Showmanship	2						
37	Anh văn chuyên ngành I	3	40	20				5
38	Anh văn chuyên ngành II	3	40	20				37
39	Kỹ năng mềm I (Kỹ năng sơ cấp cứu)	1						
40	Kỹ năng mềm II (Xin việc, phỏng vấn và luật lao động)	1						
41	Kiến tập	1						
VII	Khối kiến thức chuyên ngành	35						
42	Tổng quan du lịch	2	25		5			
43	Tuyển điểm du lịch	3	35		10			
44	Kinh tế du lịch	3	30	15				18,19
45	Marketing du lịch	3	35		10			20

Số tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lên lớp					
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
46	Quản trị nhà hàng khách sạn	3	35		10			
47	Quản trị hãng lữ hành	3	35		10			
48	Kê toán dịch vụ du lịch	3	35		10			
49	Thiết kế điều hành tour	2	25		5			
50	Nghiệp vụ lễ tân	2	25		5			
51	Quản trị ẩm thực	2	25		5			
52	Quản trị khi vui chơi, nghỉ dưỡng	3	35		10			
53	Giám sát khách sạn	3	35		10			
54	Quản trị chuỗi nhà hàng và DVAU	3						
VIII	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10						
55	Thực tập và viết BCTT	4						
56	Bartender	3					Học phần thay KL	
	Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện	3					Học phần thay KL	
	Khóa luận TN	6						

Sở tay sinh viên

Sổ tay sinh viên

4.3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

HỌC KỲ		HỌC PHẦN	SỐ TC
I	1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
	2	Toán cao cấp	4
	4	Giáo dục thể chất 1	1
	5	Tin học đại cương	3
	6	Pháp luật đại cương	2
	8	Giáo dục quốc phòng 2,3	5
			20
II	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Anh văn 1	3
	3	Tâm lý học đại cương	2
	4	Kinh tế vi mô	3
	5	Nguyên lý kế toán	3
	6	L.thuyết xác suất và thống kê toán	3
	7	Giáo dục quốc phòng 1	3
	8	Giáo dục thể chất 2	1

Sở tay sinh viên

			20
III	1	ĐLCM của ĐCSVN	3
	2	Anh văn 2	3
	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
	4	Quản trị học	2
	5	Tổng quan về HKDD	3
	6	Kinh tế lượng	3
	7	Kinh tế vĩ mô	3
	8	Giáo dục thể chất 3	1
	9	Kiến tập	1
			21
IV	1	Quản trị nguồn nhân lực	3
	2	Marketing căn bản	3
	3	Thanh toán quốc tế	2
	4	Quản trị chất lượng	2
	5	Pháp luật hàng không	3
	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
	7	Giáo dục thể chất 4	1
			17
V	1	Anh văn chuyên ngành I	3

Sở tay sinh viên

	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
		Nghiệp vụ buồng	
	3	Marketing du lịch	3
	4	Quản trị tài chính	3
	5	Tổng quan du lịch	2
	6	Pháp luật du lịch	2
	8	Kinh tế du lịch	3
	9	Kỹ năng sơ cấp cứu	1
	10	Giáo dục thể chất 5	1
			20
VI	1	Quản trị ẩm thực	2
	2	Tuyển điểm du lịch	3
	3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3
	4	Showmanship	2
	5	Thiết kế điều hành tour	2
	6	Marketing hàng không	3
	7	Quản trị chuỗi nhà hàng và DVAU	3
	8	Nghiệp vụ lễ tân	2
	9	Anh văn chuyên ngành II	3
		23	

Số tay sinh viên

VII	1	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3
	2	Kế toán dịch vụ du lịch	3
	3	Tổ chức khai thác HK I	3
	4	Giám sát khách sạn	3
	5	Quản trị hãng lữ hành	3
	6	Quản trị khu vui chơi - Nghỉ dưỡng	3
			28
VIII	1	Kỹ năng xin việc và phỏng vấn và luật lao động	1
	3	Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo	4
	4	Bartender	3
		Kỹ năng tổ chức hội nghị - sự kiện	3
		Khóa luận TN	6
			11
TỔNG SỐ			149

Sổ tay sinh viên

4.4. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và chứng nhận hoàn thành thực tập tổng quan về hoạt động Hàng không dân dụng.
- Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.
- Tin học: chứng chỉ B

II. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG:

1. Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông Trình độ đào tạo: Đại học

1.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ
(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- Khối kiến thức chung 14 tín chỉ
- Khối kiến thức Toán và KHTN 24 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở của ngành 39 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ 55 tín chỉ

1.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết	
		Từng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC							
I	Khối kiến thức chung	12						
1.	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin	5	60	5	10			
2.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	35	5	5			
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5			
4.	Pháp luật đại cương	2	20	5	5			
5.	Tổng quan về HKDD	2	25		5			
6.	Giáo dục quốc phòng, an ninh 1	3	30		15			
7.	Giáo dục quốc phòng, an ninh 2	2	16		14			
8.	Giáo dục quốc phòng, an ninh 3	3	15	1	29			

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết	
		Từng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
9.	Giáo dục thể chất	5				225 tiết		
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học tự nhiên	24						
10.	Tin học đại cương	3	35	5	5			
11.	Toán cao cấp A1	3	35	5	5			
12.	Toán cao cấp A2	3	35	5	5			
13.	Toán cao cấp A3	3	35	5	5			
14.	Vật lý đại cương	2	20	5	5			
15.	Thí nghiệm vật lý đại cương	1				30		
16.	Anh văn cơ bản 1	3	35	5	5			
17.	Anh văn cơ bản 2	3	35	5	5			
18.	Anh văn cơ bản 3	3	35	5	5			

Sổ tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết	
		Tùng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
III	Khối kiến thức cơ sở của ngành	39						
19.	Toán chuyên đề	2	20	5	5			
20.	Kỹ thuật lập trình	2	20	5	5			
21.	An toàn điện	2	20	5	5			
22.	Lý thuyết mạch 1	2	20	5	5			
23.	Lý thuyết mạch 2	2	20	5	5			
24.	Kỹ thuật điện	2	20	5	5			
25.	Linh kiện điện tử	2	20	5	5			
26.	Mạch điện tử 1	2	20	5	5			
27.	Mạch điện tử 2	2	20	5	5			
28.	Điện tử số	3	35	5	5			
29.	Lý thuyết trường điện từ	2	20	5	5			
30.	Cơ sở điều khiển tự động	2	20	5	5			

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết	
		Tùng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
31.	Kỹ thuật vi xử lý – vi điều khiển	3	35	5	5			
32.	Đo lường điện tử	2	20	5	5			
33.	Nguyên lý truyền thông	3	35	5	5			
34.	Thí nghiệm kỹ thuật điện	1				30		
35.	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	2				60		
36.	Thí nghiệm điện tử số	1				30		
37.	Thí nghiệm vi xử lý – vi điều khiển	2				60		
IV	Khối kiến thức chuyên ngành	55						
	Khối kiến thức chuyên ngành chung	31						
38.	Tiếng Anh chuyên ngành	3	35	5	5			
39.	Xử lý số tín hiệu	2	20	5	5			
40.	Thiết kế số dùng ngôn ngữ phân cứng HDL	2	20	5	5			

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ						Môn học tiên quyết
		Tùng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
41.	Điện tử công suất	2	20	5	5			
42.	Hệ thống viễn thông	3	35	5	5			
43.	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng máy tính	3	35	5	5			
44.	Điện tử thông tin	2	20	5	5			
45.	Kỹ thuật siêu cao tần	2	20	5	5			
46.	Anten truyền sóng	2	20	5	5			
47.	Thông tin số	2	20	5	5			
48.	Thông tin di động	2	20	5	5			
49.	Thông tin vệ tinh	2	20	5	5			
50.	Thông tin quang	2	20	5	5			
51.	Thí nghiệm truyền số liệu & mạng máy tính	1				30		
52.	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1				30		

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết	
		Từng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	Khối chuyên ngành sâu	24						
53.	Hệ thống thông tin Hàng không	2	20	5	5			
54.	Hệ thống định vị vô tuyến Hàng không	2	20	5	5			
55.	Hệ thống dẫn đường mặt đất Hàng không	2	20	5	5			
56.	Đồ án môn học 1	2		30				
57.	Đồ án môn học 2	2		30				
58.	Thực tập tốt nghiệp	4						
59.	Đồ án tốt nghiệp	10						
60.	Tham quan học tập tại TT ĐT Phi công							

Đối với những sinh viên không thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ phải đăng ký các học phần sau, có tổng số 10 tín chỉ.

61.	Quy hoạch mạng viễn thông	2	20	5	5		
-----	---------------------------	---	----	---	---	--	--

Sở tay sinh viên

62.	Hệ thống SCADA	2	20	5	5			
63.	PLC	2	20	5	5			
64.	Kỹ thuật chuyên mạch	2	20	5	5			
65.	Hệ thống Nhúng	2	20	5	5			
66.	Viba số	2	20	5	5			
67.	Các phần mềm mô phỏng điện tử	2	20	5	5			
68.	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	20	5	5			
69.	Tiểu luận tốt nghiệp	4						

1.3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

	TT	Tên môn học	Số tín chỉ
HỌC KỲ I	1.	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin	5
	2.	Toán cao cấp A1	3
	3.	Toán cao cấp A2	3
	4.	Vật lý đại cương	2
	5.	Thí nghiệm vật lý đại cương	1
	6.	Giáo dục thể chất 1	45 tiết
	7.	Giáo dục quốc phòng 2, 3	3
			20
HỌ C	1.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản	3
	2.	Pháp luật đại cương	2

Sở tay sinh viên

	3.	Toán cao cấp A3	3
	4.	Tiếng Anh cơ bản 1	3
	5.	Kỹ thuật lập trình	2
	6.	Lý thuyết mạch 1	2
	7.	Linh kiện điện tử	2
	8.	Giáo dục thể chất 2	45 tiết
	9.	Tin học đại cương	3
			19

HỌC KỲ 3	1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2.	Toán chuyên đề	2
	3.	Tiếng Anh cơ bản 2	3
	4.	An toàn điện	2
	5.	Lý thuyết mạch 2	2
	6.	Kỹ thuật điện	2
	7.	Đo lường điện tử	2
	8.	Mạch điện tử 1	2
	9.	Thí nghiệm kỹ thuật điện	1
	10.	Giáo dục quốc phòng 1	3
	11.	Giáo dục thể chất 1	45 tiết
		21	

Sổ tay sinh viên

HỌC KỲ 4	1.	Tổng quan hàng không dân dụng	2
	2.	Tiếng Anh cơ bản 3	3
	3.	Mạch điện tử 2	2
	4.	Nguyên lý truyền thông	3
	5.	Lý thuyết trường điện từ	2
	6.	Điện tử số	3
	7.	Thí nghiệm điện tử số	1
	8.	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	2
	9.	Giáo dục thể chất 4	45 tiết
		18	
HỌC KỲ 5	1.	Tiếng Anh chuyên ngành	3
	2.	Xử lý số tín hiệu	2
	3.	Điện tử công suất	2
	4.	Cơ sở điều khiển tự động	2
	5.	Vi xử lý – Vi điều khiển	3
	6.	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2
	7.	Đồ án môn học 1	2
	8.	Giáo dục thể chất 5	45 tiết
		16	
KỶ	1.	Điện tử thông tin	2

Sở tay sinh viên

	2.	Thông tin số	2
	3.	Kỹ thuật siêu cao tần	2
	4.	Anten truyền sóng	2
	5.	Hệ thống viễn thông	3
	6.	Truyền số liệu & mạng máy tính	3
	7.	Thí nghiệm truyền số liệu & mạng máy tính	1
	8.	Đồ án môn học 2	2
			17
HỌC KỲ 7	1.	Hệ thống thông tin Hàng không	2
	2.	Thông tin di động	2
	3.	Thông tin quang	2
	4.	Thông tin vệ tinh	2
	5.	Thiết kế số dùng ngôn ngữ phần cứng HDL	2
	6.	Hệ thống định vị vô tuyến Hàng không	2
	7.	Hệ thống dẫn đường mặt đất Hàng không	2
	8.	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1
		15	

HỌC KỲ 8

Số tay sinh viên

1.	Tham quan học tập tại TT đào tạo Phi Công	
2.	Thực tập tốt nghiệp	4
3.	Đồ án tốt nghiệp	10

Đối với những sinh viên không thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ đăng ký học các học phần sau, có tổng số 10 tín chỉ.

HP thay thế tự chọn	1.	Quy hoạch mạng viễn thông	2
	2.	Hệ thống SCADA	2
	3.	PLC	2
	4.	Kỹ thuật chuyển mạch	2
	5.	Hệ thống Nhúng	2
	6.	Mạch siêu cao tần	2
	7.	Các phần mềm mô phỏng điện tử	2
	8.	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2
	9.	Tiểu luận tốt nghiệp	4

Sở tay sinh viên

1.4. Điều kiện tốt nghiệp: Tích lũy đủ số đơn vị học trình trong chương trình đào tạo; Không bị kỷ luật; đáp ứng đủ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu đạt 400 điểm TOEIC hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

III. NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY:

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 182 tín chỉ
(Không tính các học phần Giáo dục QP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- Khối kiến thức chung 12 tín chỉ
- Khối kiến thức Toán và KHTN hoặc KHXX-NV 21 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở của ngành 9 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành 39 tín chỉ
- Khối kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành 89 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Từng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC							
I	Khối kiến thức chung	12						
1	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin	5	60	5	10			
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	35	5	5			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5			
4	Pháp luật đại cương	2	25		5			
5	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8						
6	Giáo dục thể chất 1	1						
7	Giáo dục thể chất 2	1						
8	Giáo dục thể chất 3	1						

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
9	Giáo dục thể chất 4	1						
10	Giáo dục thể chất 5	1						
II	Khối kiến thức Toán và Khoa học tự nhiên	21						
11	Tin học đại cương	3	15	15		45		
12	Toán cao cấp A1	3	35	5	5			
13	Toán cao cấp A2	3	35	5	5		9	
14	Xác suất thống kê	3	35	5	5		10	
15	Phương pháp tính	3	35	5	5		11	
16	Anh văn cơ bản 1	3	35	5	5			
17	Anh văn cơ bản 2	3	35	5	5		14	
III	Khối kiến thức cơ sở của ngành	9						

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
18	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3	35	10				
19	Quản trị học	3	35	5	5			
20	Đồ họa vi tính và CAD	3	30			30	16	
IV	Khối kiến thức ngành	39						
21	Khái quát về Hàng không dân dụng	2	25		5			
22	Luật hàng không	2	25		5			
23	Khí động học và nguyên lý bay	3	30	10	5			
24	Động cơ và lực đẩy máy bay	3	30	10	5		21	
25	Động cơ Turbine	3	30	10	5		22	
26	An ninh an toàn hàng không	2	20	5	5			
27	Khí tượng hàng không	3	30	10	5			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thi nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
28	Sân bay	3	30	10	5		19	
29	Đài dẫn đường	3	30	10	5			
30	Dẫn đường bay	3	30	10	5		27	
31	Quy tắc bay	2	20	5	5		19	
32	Dịch vụ không lưu	2	20	5	5		29	
33	Không báo	2	20	5	5		30	
34	Thông tin hàng không	2	20	5	5		30	
35	Cứu hỏa và phương thức khẩn nguy sân bay	2	20	5	5		26	
36	Tìm cứu & điều tra tai nạn máy bay	2	20	5	5		30	
V	Kiến thức bổ trợ	12						
37	Khai thác máy bay	3	30	10	5			

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
38	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	30	10	5		15	
39	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	30	10	5		36	
40	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	30	10	5		37	
VI	Khối kiến thức chuyên ngành	89						
	Môn học bắt buộc	78						
41	Nhận dạng hệ thống máy bay	2	20	5	5		21	
42	Tính năng máy bay	3	30	10	5		21	
43	Máy bay trực thăng	2	20	5	5		21	
44	Toán tối ưu trong giao thông vận tải	3	30	10	5		10	
45	Bản đồ học – Biên tập thành lập bản đồ	3	30	10	5			
46	Điện và điện tử máy bay	3	30	10	5			

Sổ tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, điền dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
47	Thiết bị hàng không và hệ thống dẫn đường trên máy bay	3	30	10	5			27
48	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	3	30	10	5			30
49	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu (GNSS)	2	20	5	5			46
50	Dịch vụ kiểm soát tại sân	4	45	10	5			26
51	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận (không Ra-đa)	4	45	10	5			48
52	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có Ra-đa)	4	45	10	5			49
53	Dịch vụ kiểm soát đường dài (không Ra-đa)	4	45	10	5			50
54	Dịch vụ kiểm soát đường dài (có Ra-đa)	2	45	10	5			51
55	Quy hoạch, thiết kế và xây dựng sân bay	3	30	10	5			26

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn đạt, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
56	Phương thức tiếp cận, hạ cánh và khởi hành bằng khí tài của máy bay (PANSOPS)	5	50	15	10			49
57	Quản lý hoạt động bay (ATM)	4	30	15	15			52
58	Dẫn đường theo tính năng (PBN)	3	30	10	5			54
59	Quản lý luồng không lưu (ATFM)	3	30	10	5			55
60	Hệ thống quản lý an toàn (SMS)	3	30	10	5			55
61	Chương trình an toàn quốc gia (SSP)	2	20	5	5			58
62	Cấu trúc hệ thống không lưu và sự tự động hóa quản lý hoạt động bay	3	30	10	5			55
63	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	30	10	5			17
64	Nghiên cứu và thuyết trình	3	30	10	5			

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ						Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
65	Đồ án môn học 1 : tính toán tĩnh không và thiết kế sân bay	2		30				53
66	Đồ án môn học 2 : Thiết kế, tổ chức phân chia lại vùng trời	2		30				63
	Thực tập	<i>11</i>						
	Thực tập tại học viện	<i>5</i>						
67	Kiểm soát Tại sân (SCANTOWER)	1				90		48
68	Kiểm soát Tiếp cận (không Ra-đa) (SCANNOR)	1				90		65
69	Kiểm soát Tiếp cận (có Ra-đa) (SCANRAD)	1				90		66
70	Kiểm soát Đường dài (không Ra-đa)	1				90		67
71	Kiểm soát Đường dài (có RADAR)	1				90		68

Sở tay sinh viên

Số TT	Học phần	Số tín chỉ					Học phần tiên quyết (ghi số thứ tự của học phần)	
		Tổng học phần	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn dã, studio		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	<i>Thực tập tại cơ sở</i>	6						
72	thực tập tại Đài kiểm soát sân bay	1			90		68	
73	thực tập tại Phòng kiểm soát tiếp cận	1			90		70	
74	thực tập tại Trung tâm kiểm soát đường dài	1			90		71	
75	thực tập tại các phòng Thủ tục bay, Kế hoạch bay, phòng NOTAM quốc tế	1			90			
76	Thực tập tốt nghiệp	2			135		73	

3. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

HỌC KỲ	STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
I	1	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
	2	Toán cao cấp A1	3
	3	Giáo dục thể chất 1	1
	4	Tin học đại cương	3
	5	Pháp luật đại cương	2
	6	Khái quát về HKDD	2
	7	Luật hàng không	2
	8	Giáo dục quốc phòng 2,3	5
			23
II	1	ĐLCM của ĐCSVN	3
	2	Anh văn 1	3
	3	Toán cao cấp A2	3
	4	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3
	5	Quản trị học	3

Sổ tay sinh viên

	6	Khí động học và nguyên lý bay	3
	7	Giáo dục quốc phòng 1	3
	8	Khí tượng hàng không	3
	9	Giáo dục thể chất 2	1
			25
III	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	Anh văn 2	3
	3	Xác suất thống kê	3
	4	Phương pháp tính	3
	5	Đồ họa vi tính và CAD	3
	6	Động cơ và lực đẩy máy bay	3
	7	Sân bay	3
	8	Đài dẫn đường	3
	9	Giáo dục thể chất 3	1
			24
	1	Động cơ Turbine	3
	2	Anh văn chuyên ngành I	3
	3	An ninh an toàn HK	2
	4	Dẫn đường bay	3

Sổ tay sinh viên

IV	5	Quy tắc bay	2
	6	Dịch vụ không lưu	2
	7	Toán tối ưu trong giao thông VT	3
	8	Quy hoạch, thiết kế và xây dựng sân bay	3
	9	Nhận dạng hệ thống máy bay	2
	10	Giáo dục thể chất 4	1
			24
V	1	Anh văn chuyên ngành II	3
	2	Không báo	2
	3	Thông tin hàng không	2
	4	Cứu hỏa và phương thức khẩn nguy sân bay	2
	5	Yếu tố con người trong QL hoạt động bay	3
	6	Dịch vụ kiểm soát tại sân	4
	7	Thực tập kiểm soát tại sân	1
	8	Giáo dục thể chất 5	1
	9	Tính năng máy bay	3
	10	Bản đồ học-Biên tập thành lập bản đồ	3
			24
	1	Khai thác máy bay	3

Số tay sinh viên

VI	2	Tìm cứu và điều tra tai nạn máy bay	2
	3	Anh văn chuyên ngành III	3
	4	Máy bay trực thăng	2
	5	Điện và điện tử máy bay	3
	6	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3
	7	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận (không ra-đa)	4
	8	Nghiên cứu và thuyết trình	3
	9	Thực tập kiểm soát tiếp cận (không ra-đa)	1
			24
VII	1	Thiết bị HK và hệ thống dẫn đường trên máy bay	3
	2	Chương trình an toàn quốc gia	2
	3	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có ra-đa)	4
	4	Đồ án môn học 1	2
	5	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2
	6	Thực tập kiểm soát tiếp cận (có ra-đa)	1
	7	Dịch vụ kiểm soát đường dài (không ra-đa)	4
	8	Dịch vụ kiểm soát đường dài (có ra-đa)	2
	9	Thực tập kiểm soát đường dài (có ra-đa)	1

Sở tay sinh viên

	10	Thực tập kiểm soát đường dài (không ra-đa)	1
			22
VIII	1	Dẫn đường bay theo tính năng	3
	2	Phương thức tiếp cận, hạ cánh và khởi hành bằng khí tài của máy bay	5
	3	Quản lý hoạt động bay (ATM)	4
	4	Đồ án môn học 2	2
	5	Quản lý luồng không lưu	3
	6	Hệ thống quản lý an toàn	3
	7	Cấu trúc hệ thống không lưu và sự tự động hóa quản lý hoạt động bay	3
			23
IX	1	Thực tập tốt nghiệp	6
			6
TỔNG SỐ			195

4. Điều kiện tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và chứng nhận hoàn thành thực tập tổng quan về hoạt động Hàng không dân dụng tại Trung tâm đào tạo phi công và Cảng HKQT Cam Ranh.

- Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt TOEIC 550 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

IV. NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG:

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 151 tín chỉ
(Không tính các học phần Giáo dục QP-AN và GD thể chất)

Trong đó:

- **Kiến thức giáo dục đại cương 39 tín chỉ**

+ Khối kiến thức Toán và KHTN 16 tín chỉ

+ Khối kiến thức khoa học xã hội 4 tín chỉ

+ Ngoại ngữ 9 tín chỉ

- **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 112 tín chỉ**

+ Kiến thức cơ sở 32 tín chỉ

+ Kiến thức ngành chính 80 tín chỉ

2.

Khung chương

trình đào tạo

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	39						
7.1.1	Lý luận chính trị	10						
1	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin	5	4		1			
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	2		1			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					

Sổ tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.1.2	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8						
4	Giáo dục quốc phòng, an ninh 1	3	2		1			
5	Giáo dục quốc phòng, an ninh 2	2	1		1			
6	Giáo dục quốc phòng, an ninh 3	3	1		2			
7.1.3	Giáo dục thể chất	5						
7.1.4	Kiến thức Toán và Khoa học tự nhiên	16						
	Bắt buộc							

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ						Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7	Tin học đại cương	3	2	1				
8	Toán cao cấp A1	3	2	1				
9	Toán cao cấp A2	3	2	1			8	
10	Toán cao cấp A3	3	2	1			9	
11	Vật lý đại cương	3	2	1				
	Tự chọn							
12	Thí nghiệm vật lý đại cương					1	11	
13	Hóa học đại cương	1	1					

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ						Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.1.5	Kiến thức khoa học xã hội	4						
14	Pháp luật đại cương	2	2					
15	Tổng quan về HKDD	2	2					
7.1.6	Ngoại ngữ	9						
16	Anh văn cơ bản 1	3	2	1				
17	Anh văn cơ bản 2	3	2	1			16	
18	Anh văn cơ bản 3	3	2	1			17	
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	112						

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.2.1	Kiến thức cơ sở	32						
19	Kỹ thuật lập trình	2	1	1			7	
20	An toàn điện	2	2				11	
21	Kỹ thuật nhiệt	3	2	1				
22	Cơ học thủy khí	3	2	1				
23	Kỹ thuật điện	3	2	1			11	
24	Kỹ thuật điện tử	3	2	1			11	
25	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện	3	2	1			24	

Sổ tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	từ							
26	Cơ học lý thuyết	2	2					
27	Cơ sở điều khiển tự động	2	2				19, 24	
28	Chi tiết máy	2	2					
29	Vẽ kỹ thuật	2	2					
30	Thực tập cơ bản	3	1		2			
31	Truyền động – tự động thủy khí	2	2					
7.2.2	Kiến thức ngành chính	80						

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.2.2.1	Kiến thức chung của ngành chính	32						
32	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1			17	
33	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1			32	
34	An toàn lao động và kỹ thuật môi trường	2	2				20	
35	Kết cấu hàng không	3	2	1			22, 26	
36	Luật Hàng không	2	2				14	
37	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	2					

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ						Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học, tự nghiên cứu	
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
38	Khí động học	3	2	1				22
39	Vật liệu hàng không	3	2	1				35
40	Động cơ piston	2	2					21
41	Máy bay trực thăng	2	2					38,26
42	Tính năng tàu bay	2	2					
43	Cánh quạt tàu bay	3	2					38
44	Đồ án môn học	2	2					
7.2.2.2	Kiến thức chuyên sâu của ngành	48						

Sổ tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	chính							
	Bắt buộc							
45	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	3	1			22, 26, 38	
46	Các hệ thống trên tàu bay 2	4	3	1			22, 24, 38	
47	Điện - điện tử tàu bay	4	3	1			23, 24, 25	
48	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	4	3	1			47	
49	Động cơ tua bin khí 1	4	3	1			21, 22, 28	

Sở tay sinh viên

Số TT	Môn học	Số tín chỉ					Môn học tiên quyết (ghi số thứ tự của môn học)	
		Tổng môn học	Loại giờ tín chỉ					
			Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm		Tự học, tự nghiên cứu
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
50	Động cơ tua bin khí 2	4	3	1			49	
51	Thực hành bảo dưỡng tàu bay	6	1			5		
52	Thực tập tốt nghiệp	6	1			5		
53	Đồ án tốt nghiệp	9	1			8		
	Tự chọn							
54	Hệ thống quản lý an toàn Hàng không	3	2	1				
55	Khai thác và quản lý máy bay	3	2	1				

Những sinh viên không thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ phải đăng ký các học phần sau, có tổng số 9 tín chỉ.

Sở tay sinh viên

56	Cơ học bay	3	2	1				
57	Cấu trúc tàu bay	3	2	1				
58	An toàn sân đỗ	3	2	1				
59	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	3	2	2				
60	Khí động học nâng cao	3	2	1				

Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

		Tên môn học	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1	1.	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin	5
	2.	Toán cao cấp A1	3
	3.	Tiếng Anh cơ bản 1	3
	4.	Tổng quan hàng không dân dụng	2
	5.	Giáo dục thể chất 1	1
	6.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản	3
	7.	Giáo dục quốc phòng 1	3
		Tổng cộng	20
K	1.	Giáo dục quốc phòng 2	2

Số tay sinh viên

	2.	Pháp luật đại cương	2
	3.	Toán cao cấp A2	3
	4.	Tin học đại cương	3
	5.	Vật lý đại cương	3
	6.	Tiếng Anh cơ bản 2	3
	7.	Giáo dục thể chất 2	1
	8.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	Tổng cộng		19

HỌC KỲ 3	1.	Thí nghiệm vật lý đại cương	1
	2.	Hóa học đại cương	2
	3.	Tiếng Anh cơ bản 3	3
	4.	An toàn điện	2
	5.	Kỹ thuật điện	3
	6.	Kỹ thuật lập trình	2
	7.	Toán cao cấp A3	3

Số tay sinh viên

	8.	Giáo dục quốc phòng 3	3
	9.	Giáo dục thể chất 3	1
	Tổng cộng		20

HỌC KỲ 4	1.	Vẽ kỹ thuật	2
	2.	Kỹ thuật nhiệt	3
	3.	Kỹ thuật điện tử	3
	4.	Cơ học lý thuyết	2
	5.	Cơ học thủy khí	3
	6.	Chi tiết máy	2
	7.	Cơ sở điều khiển tự động	2
	8.	Giáo dục thể chất 4	1
	Tổng cộng		18

K	1.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3
----------	-----------	--------------------------	---

Sở tay sinh viên

	2.	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	3
	3.	Truyền động – tự động thủy khí	2
	4.	Kết cấu hàng không	3
	5.	Thực tập cơ bản	3
	6.	An toàn lao động và kỹ thuật môi trường	2
	7.	Giáo dục thể chất 5	1
	Tổng cộng		17

HỌC KỲ 6	1.	Luật hàng không	2
	2.	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2
	3.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3
	4.	Động cơ piston	2
	5.	Khí động học	3
	6.	Tính năng tàu bay	2
	7.	Vật liệu hàng không	3
	Tổng cộng		17

Số tay sinh viên

HỌC KỲ 7	1.	Các hệ thống trên tàu bay 1	4
	2.	Cánh quạt	3
	3.	Điện – điện tử tàu bay	4
	4.	Động cơ tua bin khí 1	4
	5.	Đồ án môn học	2
	6.	Máy bay trực thăng	2
	Tổng cộng		19

HỌC KỲ 8	1.	Các hệ thống tàu bay 2	4
	2.	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	4
	3.	Động cơ tua bin khí 2	4
	4.	Thực hành bảo dưỡng tàu bay	6
	5.	Hệ thống quản lý an toàn hàng không	3
	6.	Khai thác quản lý máy bay	3
	Tổng cộng		21

HỌC KỲ 9	1.	Thực tập tốt nghiệp	6
	2.	Đồ án tốt nghiệp	9
	Tổng cộng		15

Đối với những sinh viên không thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ đăng ký học các học phần sau, có tổng số 9 tín chỉ.

1	Cơ học vật bay	3	2	1				
2	Cấu trúc tàu bay	3	2	1				
4	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	3	2	1				
5	An toàn sân đỗ	3	2	1				
6	Khí động học nâng cao	3	2	1				

Sổ tay sinh viên

4. Điều kiện tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất.

- Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

Phần 3:
QUY CHẾ
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 663/QĐ-HVHKVN-ĐT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam”

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng Không Việt Nam;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng

hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014. Các quyết định trước đây do Giám đốc Học viện ban hành trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các Phòng, Khoa, thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên thuộc Học viện Hàng không Việt nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS-TS. Dương Cao Thái Nguyên

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17
 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong Học viện Hàng không Việt nam (sau đây gọi tắt là Học viện) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) là một hệ thống thể hiện rõ: ngành và chuyên ngành đào tạo, trình độ đào tạo; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học khi tốt nghiệp; điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình đào tạo theo thời gian thiết kế.

2. Một chương trình đào tạo bao gồm những thông tin chung về chương trình đào tạo và nội dung của chương trình đào tạo. Nội dung của chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. Học phần trong chương trình đào tạo được quản lý theo quy định về quản lý học phần do Giám đốc Học viện ban hành.

4. Các chương trình đào tạo trong Học viện có khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khoá đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm.

5. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của từng học phần được xây dựng theo quy định về xây dựng bộ chương trình đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 3. Học phần, tín chỉ và lớp học

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Nội dung học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng

do Học viện quy định.

2. Các loại học phần.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Học viện nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần thay thế là học phần đang được tổ chức giảng dạy tại Học viện và được cho phép tích lũy thay thế một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng không tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế phải có thời lượng tương đương và nội dung tri thức gần với học phần được thay thế. Nếu học phần thay thế có số tín chỉ ít hơn, sinh viên phải học thêm các học phần tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

d) Học phần tiên quyết là học phần bắt buộc sinh viên hoàn thành trước khi đăng ký và học học phần mới.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Số tiết, số giờ đối với từng học phần; số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần (số giờ giảng dạy trên lớp, số

giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên); đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần. Một tiết học được tính bằng 50 phút

5. Sinh viên học tập tại Học viện được quản lý theo đơn vị lớp và phải đóng học phí theo quy định về đóng học phí của Học viện. Mỗi lớp có mã số thể hiện khoa quản lý, ngành, khóa đào tạo và do một giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập.

6. Học phần được tổ chức giảng dạy theo lớp học phần. Lớp học phần có mã số riêng được mở cho các sinh viên đăng ký học trong thời khóa biểu của các học kỳ. Số lượng sinh viên mỗi lớp học phần được Học viện quy định cụ thể trong từng học kỳ.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

1. Thời gian hoạt động giảng dạy được quy định trong thời khóa biểu năm học và học kỳ do Phòng đào tạo xây dựng và được Giám đốc Học viện phê duyệt.

2. Thời gian giảng dạy trong tuần: từ thứ 2 đến thứ 7.

3. Thời gian giảng dạy trong ngày: buổi sáng bắt đầu lúc 7h00'; buổi chiều bắt đầu từ 13h00'.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập và điểm xét học bổng

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ chính qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ dựa theo kế hoạch đào tạo chuẩn trong

chương trình đào tạo được Giám đốc Học viện ban hành (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ loại đạt tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Thời gian của khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo, được quy định cụ thể trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành;

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, tùy từng điều kiện cụ thể Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ trong thời gian nghỉ hè để sinh viên có điều kiện được học lại hoặc cải thiện điểm. Mỗi học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Số học phần cho từng năm học, từng học kỳ được phân

bỏ theo kế hoạch đào tạo chuẩn trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo (số năm học tối đa mà một sinh viên có thể theo học tại Học viện tính từ khi có quyết định nhập học vào chương trình) không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học và xác nhận kết quả học tập

1. Đăng ký nhập học

a) Sinh viên khi trúng tuyển phải làm thủ tục đăng ký nhập học. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng TCCB&QLSV.

b) Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng TCCB&QLSV trình Giám đốc ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Học viện và cấp cho họ các giấy tờ cần thiết.

c) Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

d) Sinh viên nhập học sẽ được Học viện cung cấp các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh

viên.

2. Xác nhận kết quả học tập

a) Sinh viên được xác nhận các quả học tập như: Bảng điểm từng học kỳ, bảng điểm tại thời điểm xin xác nhận; bảng điểm toàn khóa học; xác nhận hoàn tất chương trình đào tạo (chưa tốt nghiệp) và giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Học viện đối với sinh viên không tốt nghiệp;

b) Để xác nhận các kết quả học tập sinh viên phải đăng ký tại Phòng đào tạo vào thời gian quy định tiếp sinh viên của phòng đào tạo;

c) Giám đốc Học viện ủy quyền cho Trưởng Phòng đào tạo xác nhận các kết quả học tập của sinh viên.

đ) Sinh viên phải nộp lệ phí khi xác nhận các kết quả học tập theo quy định của Học viện.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Đối với những ngành đào có nhiều chuyên ngành, sau khi hoàn thành phần giáo dục đại cương và một số kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, Học viện sẽ phân chuyên ngành. Số lượng sinh viên cho mỗi chuyên ngành sẽ dựa vào nguyện vọng của sinh viên, nhu cầu của xã hội và năng lực đào tạo của Học viện.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào kế

hoạch đào tạo chuẩn của từng chương trình đào tạo và đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

2. Đối với các học kỳ chính, số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học sẽ tùy theo từng loại học phần và được quy định trong thời khóa biểu để sinh viên đăng ký. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang lớp khác.

3. Đối với học kỳ phụ (nếu có), việc mở lớp sẽ phụ thuộc vào số lượng sinh viên đăng ký và khả năng của Học viện. Phòng đào tạo và các Khoa sẽ xem xét trình Giám đốc phê duyệt cho từng lớp học phần cụ thể.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi học kỳ chính, Học viện sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ chính, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Học viện. Thời gian đăng ký sẽ được quy định trong thời khóa biểu năm học của Học viện.

3. Sinh viên được đăng ký học phần theo kế hoạch đào tạo trong học kỳ chính của từng chương trình đào tạo để lựa chọn thời khóa biểu và giảng viên thích hợp nhưng phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể

4. Ngoài việc đăng ký học phần theo kế hoạch đào tạo, sinh viên được phép đăng ký học để cải thiện điểm và trả nợ học phần trong học kỳ chính nhưng phải có ý kiến của cố vấn học tập để đảm bảo phù hợp với khả năng và điều kiện học tập của sinh viên.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong vòng sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên và nếu sinh viên không đi học học phần này hoặc không đóng học phí theo quy định sẽ được xem như tự ý bỏ học học phần và sẽ không có tên chính thức trong danh sách lớp học phần. Trường hợp này sinh viên phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo của Học viện có xác nhận chấp thuận của cố vấn học tập;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng đào tạo.

Điều 12. Học lại, học cải thiện điểm

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Việc đăng ký học lại, học cải thiện điểm học phần tương tự như đăng ký lần đầu, vào bất kỳ học kỳ nào mà học phần có mở lớp theo thời khóa biểu.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trường khoa quản lý học phần trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu.

2. Giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo là khối lượng tín chỉ và học phần theo kế hoạch đào tạo chuẩn của các chương trình đào tạo do Giám đốc ban hành. Sinh viên có số tín chỉ đạt điểm F lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ theo kế hoạch đào tạo chuẩn của kỳ đã học gần nhất khi đánh giá kết quả học tập sẽ bị chuyển xuống khóa sau để có điều kiện để trả nợ các học phần và theo học theo kế hoạch đào tạo chuẩn.

3. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy

đạt từ 2,00 trở lên.

b) **Hạng yếu:** Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

4. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Giám đốc Học viện qua Phòng đào tạo xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Học viện, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Học viện, phải viết đơn gửi Giám đốc Học viện qua Phòng đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

3. Giám đốc Học viện ra quyết định cho sinh viên được nghỉ học tạm thời để bảo lưu kết quả học tập và cho sinh viên học trở lại.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học

kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập 2 lần liên tiếp hoặc quá 2 lần trong thời gian khóa học;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Học viện quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Học viện.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Học viện sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp sinh viên của Học viện vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Giám đốc Học viện sẽ xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp

cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chuyên ngành

1. Học cùng lúc hai chuyên ngành dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chuyên ngành thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai bằng điểm khóa học.

2. Điều kiện để học thêm chuyên ngành thứ hai:

a) Ngành đào tạo sinh viên theo học có ít nhất hai chuyên ngành và sinh viên đã đăng ký vào chuyên ngành sau khi đã kết thúc kiến thức ngành;

b) Không thuộc diện xếp hạng học lực yếu tại thời điểm đăng ký chuyên ngành thứ hai. Số lượng chuyên ngành đăng ký tối đa là 2 chuyên ngành;

c) Phải có đơn xin học thêm chuyên ngành thứ hai gửi Phòng đào tạo và được Phòng đào tạo xem xét chấp thuận.

d) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chuyên ngành, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình của chuyên ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chuyên ngành là thời gian tối đa quy định cho ngành đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chuyên ngành thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình của chuyên ngành thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét cấp bằng điểm của chuyên ngành thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chuyên ngành thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Giám đốc Học viện và Hiệu trưởng trường xin chuyển đi hoặc chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Học viện;

b) Giám đốc Học viện quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận sinh viên xin chuyển đến; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung,

trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Học viện tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học

phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Giám đốc Học viện ủy quyền cho Trưởng khoa phụ trách học phần quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi. Thời gian thi cho các kỳ thi được quy định trong kế hoạch năm học của Phòng đào tạo được Giám đốc Học viện phê duyệt.

3. Phòng đào tạo lập kế hoạch thi cho các kỳ thi theo kế hoạch năm học được Giám đốc Học viện phê duyệt.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Đề thi được Khoa phụ trách học phần ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi khi học phần có ngân hàng đề thi.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Khoa phụ trách học phần đề xuất hình thức thi thích hợp cho từng học phần để Giám đốc Học viện phê duyệt.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất

được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

5. Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi, phúc khảo và lưu giữ các bài thi sau khi chấm được thực hiện theo quy định về chấm thi của Giám đốc Học viện ban hành. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Học viện do phòng Đào tạo ban hành, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi. Bản gốc gửi về phòng đào tạo lưu trữ, chậm nhất một tuầnsau khi kết thúc chấm thi học phần.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

7. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A ⁺	(9,0 - 10):	Xuất sắc
A	(8,5 - 8,9):	Giỏi
B ⁺	(8,0 - 8,4):	Khá - giỏi
B	(7,0 - 7,9):	Khá
C ⁺	(6,5 - 6,9):	Trung bình - khá
C	(5,5 - 6,4):	Trung bình
D	(4,0 - 5,4):	Trung bình - yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0): Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Học viện cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm chữ được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm chữ loại đạt trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

8. Các vấn đề công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm các học phần sẽ được quy định trong quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm các học phần do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung

bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A ⁺ , A	tương ứng với 4
B ⁺	tương ứng với 3,5
B	tương ứng với 3
C ⁺	tương ứng với 2,5
C	tương ứng với 2
D	tương ứng với 1
F	tương ứng với 0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

3. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất của các học phần theo kế hoạch đào tạo chuẩn trong chương trình đào tạo được Giám đốc Học viện ban hành (không tính điểm học cải thiện hoặc trả nợ học phần). Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để cảnh báo

kết quả học tập, xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Thực tập cuối khóa là một học phần chuyên biệt được quy định trong từng chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành.

2. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của Học viện. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng được quy định trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

3. Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp; Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp... được quy định trong “Quy định về đồ án, khoá

luan tốt nghiệp" do Giám đốc Học viện ban hành.

4. Thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp có thể được kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và thang điểm theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

2. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

3. Số lượng giảng viên đánh giá và cách đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp đồ án, khoá luận tốt nghiệp được quy định trong “Quy định về đồ án, khoá luận tốt nghiệp” do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được Học viện xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất;

d) Thỏa mãn các yêu cầu tốt nghiệp theo quy định về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo học do Giám đốc Học viện ban hành;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc Học viện uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng chức năng quản lý công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp, Phòng đào tạo cấp giấy tốt nghiệp tạm thời và bảng điểm cho sinh viên tốt nghiệp. Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chỉ cấp một lần.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm

trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi chuyên ngành mà sinh viên theo học (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các chuyên ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bảng điểm tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các chuyên ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về Học viện trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận

về các học phần đã học trong chương trình của Học viện.

7. Sinh viên nhận bằng tốt nghiệp phải nộp lệ phí theo quy định của Học viện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm theo quy định của Học viện.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở những quy định của Quy chế này, một số vấn đề cụ thể sẽ do Giám đốc Học viện ban hành các quy định và các quy trình thực hiện. Căn cứ vào Quy chế này, các quy định và các quy trình của Giám đốc Học viện ban hành, Phòng đào tạo xây dựng tiến độ để triển khai cho các công việc cụ thể.

2. Việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ vừa làm vừa

học, đào tạo từ xa sẽ được triển khai vào giai đoạn thích hợp.

3. Định kỳ hàng năm Phòng đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, đề xuất giám đốc Học viện bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS-TS. Dương Cao Thái Nguyên

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1198/QĐ-HVHKVN-ĐT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quy chế 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày

17/9/2014

quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ - BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Trưởng BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ tờ trình được Giám đốc phê duyệt ngày 18/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung buộc thôi học trong quy chế 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 16 trong quy chế 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014, cụ thể như sau:

- 1) Sửa đổi điểm a khoản 2 với nội dung như sau: Có số lần cảnh báo kết quả học tập 2 lần liên tiếp trong thời gian khóa học;
- 2) Bổ sung vào cuối khoản 2: Những trường hợp bị buộc thôi học nếu có đơn, Hội đồng xét kết quả học tập sẽ trình Giám đốc xem xét từng trường hợp cụ thể.

Điều 2.Quyết định này được áp dụng từ năm học 2016-

2017. Các Ông (Bà) Trưởng phòng đào tạo, Trưởng phòng TCCB&QLSV, Trưởng khoa, Trưởng các phòng chức năng có liên quan và toàn thể sinh viên Học viện hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT; P.ĐT.

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

Phần 4:

CÁC QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH, BIỂU MẪU

1. Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần
2. Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp
3. Quy trình công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm và các biểu mẫu kèm theo
4. Quy trình xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập và các biểu mẫu kèm theo
5. Quy trình xin xác nhận kết quả học tập và các biểu mẫu kèm theo
6. Mẫu đơn đăng ký thực hiện đồ án (khóa luận) tốt nghiệp
7. Mẫu đơn xin chưa xét/xét tốt nghiệp và phiếu đăng ký làm bằng tốt nghiệp
8. Mẫu đơn xin nghỉ ốm
9. Quy định học cùng lúc hai ngành và mẫu đơn đăng ký học ngành thứ 2

Sinh viên tải các biểu mẫu trên trang sv.vaa.edu.vn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 802/QĐ-HVHK-ĐT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt nam”

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐBXH ngày 08/9/2015 liên bộ Giáo dục và đào tạo với Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần trong giáo dục đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 644/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 3. Các ông/ bà Trưởng Phòng đào tạo, Trưởng Phòng TCCB&QLSV, Trưởng phòng KT&ĐBCL, Trưởng các Khoa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan trong Học viện Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Các PGĐ;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại
Học viện Hàng không Việt nam**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-HVHK-DT ngày 23
tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các vấn đề về điều kiện và quy trình công nhận kết quả học tập các học phần; miễn học, thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học đại cương và công nhận điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra; miễn học, thi và tạm hoãn các học phần quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất trong các chương trình đào tạo.

2. Quy định này áp dụng đối với người học đào tạo ở trình độ cao học, đại học và cao đẳng theo luật giáo dục đại học hệ chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Học viện Hàng không Việt nam (sau đây gọi tắt là Học viện).

3. Quy định này không áp dụng cho việc trả nợ học phần và cải thiện điểm.

Chương II

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN

Điều 2. Điều kiện được công nhận kết quả học tập các học phần

1. Các học phần của người học được Giám đốc Học viện chấp nhận chuyển trường từ trường khác đến hoặc người học đã học ở trường khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam có nội dung phù hợp và thời lượng lớn hơn hoặc bằng thời lượng học phần được công nhận.

2. Các học phần chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo hoặc được Giám đốc Học viện công nhận tương đương trong các chương trình đào tạo của Học viện.

Điều 3. Thời gian và quy trình xin công nhận kết quả học tập các học phần

1. Việc công nhận kết quả học tập các học phần của người học chuyển trường đến Học viện được xác định trong quyết định chấp nhận chuyển trường của Giám đốc Học viện.

2. Các học phần người học đã học ở trường khác muốn được công nhận tại Học viện, người học phải làm đơn xin công nhận gửi bộ phận hành chính 1 cửa theo mẫu BM01.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 kèm hồ sơ minh chứng (nộp bản sao có chứng thực bằng điểm hoặc xác nhận điểm học phần của trường). Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc xem xét công nhận. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác định sự phù hợp về nội dung và thời lượng.

3. Đối với các học phần chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo hoặc được Giám đốc công nhận tương đương, người học làm đơn gửi phòng đào tạo theo mẫu 1 tại Phụ lục 2 để được công nhận.

4. Thời gian nộp đơn và xử lý được quy định cụ thể trong

quy trình công nhận kết quả, miễn, tạm hoãn và chuyển điểm học phần số QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001.

Chương III

CHUYỂN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH, TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỀ TIẾNG ANH, TIN HỌC TRONG CHUẨN ĐẦU RA

Mục 1

Chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học đại cương từ các chứng chỉ quốc tế.

Điều 4. Điều kiện được xem xét chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học đại cương

1. Người học được xem xét miễn học, thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh cơ bản của các chương trình đào tạo ra nếu có các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: TOEIC, TOEFL paper, TOEFL CBT, TOEFL iBT, IELTS, CEFR và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày làm thủ tục miễn học, thi và chuyển điểm.

2. Người học được xem xét miễn học, thi và chuyển điểm học phần tin học đại cương nếu có các Chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không.

Điều 5. Quy đổi điểm chuyển các học phần tiếng Anh và tin học đại cương

1. Quy đổi điểm chuyển các học phần tiếng Anh cơ bản từ các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

a) Trình độ đại học

Anh văn 1	Anh văn 2	Anh văn 3	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	DYNED
5	X	X	300-324	400-406	90-99	29-32			1,3
6	X	X	325-349	407-419	100-109	33-35	2,5	A1.2	1,4
7	5	X	350-374	420-432	110-119	36-39			1,5
8	6	X	375-399	433-439	120-129	40-43	3,0	A2.1	1,6
9	7	5	400-424	440-442	230-139	44-47			1,7
10	8	6	425-449	443-449	140-149	48-51	3,5	A2.2	1,8
	9	7	450-474	450-471	150-159	52-55			1,9
	10	8	475-499	472-483	160-169	56-59	4,0	B1.1	2,0
		9	500-549	484-499	170-179	60-69	4,5		2,1
		10	≥ 550	≥ 500	≥ 180	≥ 70	≥ 5,0	B1.2	≥ 2,2

Ghi chú: Chứng chỉ DYNED là chứng chỉ DYNED của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không

b) Trình độ cao đẳng

Anh văn 1	Anh văn 2	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	DYNED
5	X	250-274	380-391	70-79	20-24			1,1
6	X	275-299	392-399	80-89	25-28	2,0	A1.1	1,2
7	5	300-324	400-406	90-99	29-32			1,3
8	6	325-349	407-419	100-109	33-35	2,5	A1.2	1,4
9	7	350-374	420-432	110-119	36-39			1,5
10	8	375-399	433-439	120-129	40-43	3,0	A2.1	1,6
	9	400-449	440-449	130-139	44-51	3,5	A2.2	1,7
	10	≥ 450	≥ 450	≥ 140	≥ 51	≥ 4,0	B1.1	≥ 1,8

Ghi chú: Chứng chỉ DYNED là chứng chỉ DYNED của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không

2. Điểm học phần tin học đại cương chuyển các từ các chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao là điểm trung bình cộng của điểm lý thuyết và thực hành trong chứng chỉ.

Điều 6. Quy trình xét miễn học, miễn thi, chuyển điểm và công nhận các học phần tiếng Anh và tin học đại cương

1. Người học làm đơn xin miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho bộ phận hành chính 1 cửa theo mẫu BM02.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ. Thời gian nộp đơn và xử lý được quy định cụ thể trong quy trình QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 về công nhận kết quả, miễn, tạm hoãn và chuyển điểm học phần

Riêng người học đang theo học chương trình tiếng Anh tổng quát hoặc chương trình luyện thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tại Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không được phép không đăng ký các học phần tiếng Anh cơ bản và chuyển điểm các học phần tiếng Anh cơ bản vào thời điểm có kết quả kỳ thi kết thúc khóa học tiếng Anh tổng quát của Trung tâm hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Người học phải đảm bảo thời gian để đăng ký học tiếp các học phần tiếng Anh chuyên ngành hoặc đánh giá kết quả học tập trong chương trình đào tạo.

2. Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc phê duyệt miễn học, miễn thi và điểm chuyển cho người học. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác nhận miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho người học.

Mục 2

Công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra

Điều 7. Điều kiện được xem xét công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra

1. Người học được xem xét công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh trong chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo nếu có các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: TOEIC, TOEFL paper, TOEFL CBT, TOEFL iBT, IELTS, CEFR còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày xét tốt nghiệp.

2. Người học là người nước ngoài được miễn áp dụng chuẩn ngoại ngữ đầu ra trong các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

3. Người học được xem xét công nhận đủ điều kiện về tin học trong chuẩn đầu ra nếu có nếu có Chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng không.

Điều 8. Thời điểm nộp và quy đổi điểm tương đương của các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và tin học trong chuẩn đầu ra

1. Trong thời gian đào tạo, người học có thể nộp đơn và các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, tin học tại bộ phận hành chính 1 cửa theo mẫu BM03.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 để được xác nhận đủ điều kiện về tiếng Anh và tin học trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giám đốc ủy quyền cho Trưởng phòng Đào tạo xác nhận đủ điều kiện về tiếng Anh và tin học trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho người học.

2. Điểm quy đổi điểm tương đương các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với TOEIC trong chuẩn đầu ra như sau:

TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR
300	400	90	29	2,5	A1.2
350	420	110	36	3,0	A2.1
400	440	130	44	3,5	A2.2

450	450	150	52	4,0	B1.1
500	484	170	60	4,5	
550	500	180	70	5,0	B1.2

Chương IV

MIỄN HỌC, MIỄN THI VÀ TẠM HOÃN CÁC HỌC PHẦN QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Điều 9. Đối tượng được miễn học, miễn thi, miễn học các nội dung thực hành và tạm hoãn học quốc phòng - an ninh

1. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục quốc phòng & an ninh:

- a) Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;
- b) Người học đã có chứng chỉ học giáo dục quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo;
- c) Người học là người nước ngoài.

2. Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình giáo dục quốc phòng & an ninh là các người học có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

3. Đối tượng được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

- a) Người học là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- b) Người học không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;
- c) Người học đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

4. Đối tượng được tạm hoãn học môn học giáo dục quốc phòng & an ninh:

a) Người học vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi người học điều trị;

b) Người học là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này phải được sự đồng ý của Giám đốc Học viện. Hết thời gian tạm hoãn, Học viện sẽ bố trí cho người học vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình

Điều 10. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất

1. *Người học được miễn học toàn bộ các học phần về Giáo dục thể chất nếu đã hoàn thành các học phần về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.*

2. *Người học được thay đổi hình thức học các học phần thực hành về Giáo dục thể chất trong các trường hợp sau:*

a) Có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) có thể áp dụng thay thế các học phần đặc thù dành cho người khuyết tật.

b) Bị các bệnh không được vận động mạnh (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương).

3. *Người học được được tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất trong các trường hợp sau:*

a) Đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;

b) Đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này nếu được Học viện chấp thuận cho tạm hoãn học các học phần về

Giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 11. Quy trình đăng ký miễn học hoặc tạm hoãn các môn học giáo dục quốc phòng & an ninh và giáo dục thể chất

1. Trừ người học là người nước ngoài, những người học khác phải viết đơn theo mẫu kèm theo các giấy tờ phù hợp đề nghị Học viện miễn học, miễn thực hành hoặc tạm hoãn học phần về bộ phận hành chính 1 của trước 2 tuần đối với học kỳ đầu hoặc trước thời điểm bắt học phần đối học kỳ thứ 2 trở đi theo mẫu BM04.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001.

2. Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc phê duyệt miễn học hoặc tạm hoãn học phần cho người học. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác nhận việc miễn, chuyển đổi hình thức hoặc tạm hoãn cho người học.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung

Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, các đơn vị phản ánh qua phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 643/QĐ-HVHKVN-ĐT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp
tại Học viện Hàng không Việt Nam”

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 485/QĐ- HVHKVN ngày 1/9/2009 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Sở tay sinh viên

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung về đề án, khóa luận tốt nghiệp tại Quyết định số 771/QĐ-HKHK ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt nam.

Điều 3. Các ông/ bà Trưởng Phòng đào tạo, Trưởng Phòng TCCB&QLSV, Trưởng phòng KT&ĐBCL, Trưởng các Khoa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan trong Học viện Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Các PGĐ;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên

QUY ĐỊNH

Về đồ án, khóa luận tốt nghiệp tại Học viện Hàng không Việt nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 643/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các vấn đề về điều kiện sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thực hiện, nội dung và hình thức của đồ án, khóa luận tốt nghiệp; giảng viên hướng dẫn và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện, hình thức và nội dung đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đào tạo ở trình độ đại học và cao đẳng theo hệ chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Học viện Hàng không Việt nam (sau đây gọi tắt là Học viện).

Điều 2. Khối lượng của đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng được quy định trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành.

Sở tay sinh viên

2. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp đào tạo theo niên chế có khối lượng tính theo đơn vị học trình; đào tạo theo tín chỉ có khối lượng tính theo đơn vị tín chỉ.

Chương II

THỰC HIỆN ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 3. Điều kiện được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp nếu tại thời điểm xét thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình theo kế hoạch đào tạo chuẩn;

b) Điểm trung bình kết quả học tập đối với đào tạo theo niên chế đạt 7,0 hoặc điểm trung bình tích lũy đối với đào tạo theo tín chỉ đạt 3,0 trở lên;

c) Có đơn đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp nộp về Khoa quản lý chương trình đào tạo theo mẫu 1 tại Phụ lục 2 của Quy định này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật của Nhà nước, hoặc các hình thức kỷ luật khác của Học viện.

2. Tùy theo khả năng hướng dẫn thực tế, Khoa quản lý chương trình đào tạo quy định mức điểm trung bình cụ thể cho từng khóa và lập danh sách gửi Phòng đào tạo trình Giám đốc phê duyệt.

Sở tay sinh viên

Điều 4. Thời gian thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Khoa quản lý chương trình đào tạo thông báo điều kiện sinh viên được làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho từng khóa vào đầu học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

2. Thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá và được xác định trong kế hoạch học tập và giảng dạy năm học được Giám đốc phê duyệt.

Điều 5. Cấu trúc và hình thức của đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Đề tài của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được xác định riêng cho từng sinh viên và phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo của sinh viên.

2. Cấu trúc và hình thức trình bày của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Quy định này.

Điều 6. Giảng viên hướng dẫn và phản biện đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Tiêu chuẩn của giảng viên hướng dẫn và phản biện đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

a) Có trình độ từ thạc sĩ trở lên và đã tham gia giảng dạy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành đào tạo mà sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

b) Một số ngành đào tạo đặc thù, Giám đốc có thể có quy định về tiêu chuẩn của giảng viên hướng dẫn và đánh giá đồ

Sổ tay sinh viên

án, khóa luận tốt nghiệp riêng theo đề nghị của các Khoa quản lý chương trình đào tạo.

2. Số lượng sinh viên hướng dẫn tối đa của giảng viên cho một khóa theo từng ngành và hình thức đào tạo như sau:

- a) Thạc sỹ: 4 đề tài
- b) Giảng viên chính, tiến sỹ: 8 đề tài
- c) Giáo sư, phó giáo sư: 12 đề tài

3. Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn:

a) Lập kế hoạch công tác hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên;

b) Tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sinh viên thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch;

c) Nhận xét đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên theo mẫu 5 hoặc 6 tại Phụ lục 2 của Quy định này.

4. Giảng viên phản biện có nhiệm vụ đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo mẫu 5 hoặc 6 tại Phụ lục 2 của Quy định này.

Chương III

ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 7. Điều kiện được đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

Đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được Học viện đánh giá khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tại thời điểm đánh giá sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Số tay sinh viên

2. Sinh viên đã nộp cho Văn phòng khoa đủ 3 cuốn đồ án, khóa luận tốt nghiệp và 1 đĩa CD chứa nội dung đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
3. Sinh viên đã hoàn các nghĩa vụ tài chính tất đủ các loại phí theo qui định của Học viện;
4. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp được giáo viên hướng dẫn nhận xét. Riêng đối với đào tạo niên chế phải được được giáo viên hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ trước hội đồng.

Điều 8. Hình thức và nội dung đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Sinh viên học theo chương trình đào tạo niên chế sẽ phải bảo vệ trước hội đồng chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

a) Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập các hội đồng chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp trên cơ sở đề nghị của Khoa qua lý chương trình đào tạo và Phòng đào tạo. Số thành viên của mỗi hội đồng là 5, bao gồm: Chủ tịch, thư ký, phản biện, giảng viên hướng dẫn và ủy viên. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài Học viện.

b) Khoa quản lý chương trình đào tạo có trách nhiệm tổ chức lễ bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp theo kế hoạch. Trình tự buổi bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp bao gồm: Thư ký Hội đồng tuyên bố lý do, đọc Quyết định của Giám đốc Học viện về việc tổ chức bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp; Chủ tịch Hội đồng điều khiển quá trình bảo vệ; Sinh viên trình bày nội dung chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp của mình với thời lượng không quá 15 phút.

Sở tay sinh viên

c) Sau khi sinh viên trình bày nội dung và trả lời những câu hỏi, các thành viên của Hội đồng chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp cho điểm theo phiếu. Điểm đánh giá đề án, khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người đánh giá và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

d) Sinh viên bảo vệ đề án, khóa luận tốt nghiệp nếu có điểm dưới 5, được Học viện tổ chức cho bảo vệ lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi Học viện công bố kết quả.

2. Sinh viên học theo chương trình đào tạo tín chỉ sẽ không bảo vệ trước hội đồng.

a) Mỗi đề án, khóa luận tốt nghiệp sẽ do 3 giảng viên đánh giá (giảng viên hướng dẫn và 2 giảng viên phản biện). Trưởng khoa đề xuất và lập danh sách giảng viên phản biện thông qua Phòng đào tạo trình Giám đốc phê duyệt trước thời gian chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp.

b) Điểm đề án, khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình của 03 giảng viên đánh giá trong trường hợp điểm của 3 giảng viên chênh lệch không lớn hơn 2. Trường hợp điểm chênh lệch giữa các giảng viên chấm lớn hơn 2 thì sẽ Trưởng Khoa yêu cầu các giảng viên có điểm chênh lệch lớn hơn 2 chấm lại. Nếu kết quả chấm lại vẫn lớn hơn 2 điểm, Trưởng khoa trình Giám đốc Học viện mời giảng viên thứ 4 đánh giá. Trường hợp này điểm đề án, khóa luận sẽ là điểm trung bình của 04 giảng viên.

c) Nội dung và hình thức đánh giá đề án, khóa luận tốt nghiệp do Trưởng các Khoa quy định cụ thể theo biểu mẫu do Phòng Đào tạo ban hành. Hồ sơ điểm đề án, khóa luận tốt nghiệp được quản lý giống như quản lý điểm kết thúc học phần.

SỞ TAY SINH VIÊN

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Khiếu nại, tố cáo về đề án, luận văn tốt nghiệp

1. Khiếu nại của sinh viên làm đề án, khoá luận tốt nghiệp phải được gửi bằng văn bản đến Khoa quản lý chương trình đào tạo để xử lý theo quy trình về phúc khảo điểm học phần.

2. Mọi tố cáo về đề án, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên phải được gửi bằng văn bản đến Khoa quản lý chương trình đào tạo trong vòng 1 tháng kể từ khi công bố kết quả đánh giá. Trong trường hợp này, Khoa quản lý chương trình đào tạo trình Giám đốc Học viện phương án xử lý cụ thể.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung

Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, các đơn vị phản ánh qua phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS-TS. Dương Cao Thái Nguyên

Sở tay sinh viên

*Mẫu 1*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Là sinh viên lớp: Khóa:.....

Hệ:

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Căn cứ quy định của Học viện HKVN và kết quả học tập, em làm đơn này xin được công nhận kết quả học tập các học phần sau trong chương trình đào tạo:

Số TT	Học phần đã hoàn thành			Học phần xin công nhận		
	Tên	Số TC/ ĐVHT	Nơi học	Điểm	Tên	Số TC/ ĐVHT

Số tay sinh viên

						ĐVHT
1						
2						
3						
...						

Kèm theo đơn gồm có các giấy tờ:

.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN KIỂM TRA, CÔNG NHẬN

1) Ý kiến của khoa quản lý học phần về sự phù hợp về nội dung và thời lượng của học phần xin công nhận (nếu có):

.....

Trưởng khoa.....
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Sở tay sinh viên

2) Ý kiến đề xuất của Phòng Đào tạo

Sau khi xem xét, Phòng Đào tạo đề nghị Giám đốc phê duyệt sinh viên được công nhận kết quả học tập các học phần như sau:

TT	Tên học phần	Số TC/ ĐVHT	Điểm (thang 10)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Trưởng Phòng đào tạo
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT
CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HKVN

Sổ tay sinh viên

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN CHUYỂN ĐIỂM
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH CƠ BẢN VÀ TIN HỌC
ĐẠI CƯƠNG**

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Là sinh viên lớp:Khóa:.....

Hệ :

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Căn cứ quy định của Học viện HKVN và kết quả học tập, em làm đơn này xin được miễn học, thi và chuyển điểm các học phần sau trong chương trình đào tạo:

.....

Số tay sinh viên

Kèm theo đơn gồm có các giấy tờ:

.....
.....
.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN KIỂM TRA, CÔNG NHẬN

1) Ý kiến của khoa quản lý học phần về sự phù hợp về nội dung và thời lượng của học phần xin công nhận (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Trưởng khoa.....
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên

2) Ý kiến đề xuất của Phòng Đào tạo

Sau khi xem xét, Phòng Đào tạo đề nghị Giám đốc phê duyệt sinh viên được được miễn học, thi và công nhận kết quả học tập các học phần như sau:

Số TT	Tên học phần	Số TC/ ĐVHT	Điểm (thang 10)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Trưởng Phòng đào tạo
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT
CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HKVN

Sổ tay sinh viên



Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN CÔNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU RA
VỀ TIẾNG ANH VÀ TIN HỌC**

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:

Là sinh viên lớp:Khóa:.....

Hệ :

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Căn cứ quy định của Học viện HKVN và kết quả học tập, em làm đơn này xin được công nhận đủ điều kiện đầu ra về trong chương trình đào tạo ngành

Chuyên ngành (nếu có):

Sở tay sinh viên

Kèm theo đơn chứng chỉ:

.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN KIỂM TRA, CÔNG NHẬN

Sau khi xem xét, Học viện HKVN công nhận sinh viên..... đủ điều kiện đầu ra về trong chương trình đào tạo ngành Chuyên ngành (nếu có): của khóa tuyển sinh.....

TUQ. Giám đốc Học viện HKVN
Trưởng Phòng đào tạo
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên

*Mẫu 4*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN MIỄN HỌC, THI, TẠM HOÃN CÁC HỌC PHẦN
QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:

Là sinh viên lớp:Khóa:.....

Hệ .:

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Căn cứ quy định của Học viện HKVN, em làm đơn này xin
được các học phần sau trong chương trình đào
tạo:

.....

.....

Sở tay sinh viên

.....
Kèm theo đơn gồm có các giấy tờ:
.....
.....
.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN KIỂM TRA, CÔNG NHẬN

1) Ý kiến của khoa quản lý học phần về xác nhận việc miễn, chuyển đổi hình thức hoặc tạm hoãn cho sinh viên **(nếu có):**

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Trưởng khoa.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên

2) Ý kiến đề xuất của Phòng Đào tạo

Sau khi xem xét, Phòng Đào tạo đề nghị Giám đốc phê duyệt sinh viên được thực hiện hình thức học tập với các học phần như sau:

TT	Tên học phần	Số TC/ ĐVHT	Hình thức học tập
1			
2			
3			
...			

Trưởng Phòng đào tạo
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT
CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HKVN

Sổ tay sinh viên



Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN
NGHỈ HỌC TẠM THỜI VÀ BẢO LƯU KẾT QUẢ HỌC TẬP

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:

Là sinh viên lớp: Khóa:.....

Hệ: Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Điểm trung bình chung tích lũy :

Căn cứ quy định của Học viện HKVN, em xin được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong thời gian:.....

Lý do:

Kèm theo đơn gồm có các giấy tờ:

.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn

Sở tay sinh viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM TRA, ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO

Sau khi xem xét, Phòng Đào tạo đề nghị Giám đốc phê duyệt cho sinh viên trên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong thời gian.....

Trưởng Phòng đào tạo

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT

CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HKVN

Sổ tay sinh viên



Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỌC TẬP TRỞ LẠI

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Là sinh viên lớp: Khóa:.....

Hệ:

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Em đã được Học viện cho phép nghỉ học tạm thời và bảo
lưu kết quả học tập trong thời
gian:.....

Theo Quyết định số:..... /QĐ-HVHKVN-ĐT ngày ... tháng...
năm

Căn cứ quy định của Học viện HKVN, em xin được học
tập trở lại từ học kỳ ... năm học:.....

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sở tay sinh viên

KIỂM TRA, ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO

Sau khi xem xét, Phòng Đào tạo đề nghị Giám đốc phê duyệt cho sinh viên trên được học tập trở lại từ học kỳ ... năm học:.....

Trưởng Phòng đào tạo
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT
CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HKVN

Sổ tay sinh viên



Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN QUẢ HỌC TẬP

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện Hàng không Việt Nam

Em tên là :

MSSV:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Hộ khẩu thường trú:

Là sinh viên lớp: Khóa:.....

Hệ:

Ngành:.....

Chuyên ngành (nếu có):

Căn cứ quy chế đào tạo của Học viện HKVN, em xin được xác nhận kết quả học sau (điền vào những chỗ trống cần thiết):

Học kỳ..... năm học.....

Đến học kỳ năm học.....

Đã hoàn tất chương trình đào tạo (chưa tốt nghiệp)

Các học phần sau (đối với sinh viên không tốt nghiệp).....

Em xin cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan của Học viện.

Em xin chân thành cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20...

Người viết đơn

Sở tay sinh viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Mẫu 1***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ****THỰC HIỆN ĐỒ ÁN (KHOÁ LUẬN) TỐT NGHIỆP**

Kính gửi: Khoa

Em là:

Mã số sinh viên: Hệ đào tạo:

Lớp/Khoá: Ngành:

Chuyên ngành (nếu có):

Em có nguyện vọng được thực hiện đồ án (khóa luận) tốt nghiệp với đề tài (ghi tên đề tài):

.....

.....

.....

Em xin cam đoan sẽ thực hiện đồ án (khóa luận) tốt nghiệp theo đúng quy định của Học viện.

Trân trọng cảm ơn.

Xác nhận của Trưởng Khoa**Sinh viên đăng ký**

(ký, ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên



Mẫu 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CHƯA XÉT TỐT NGHIỆP

(áp dụng cho sinh viên đào tạo theo tín chỉ đã đủ điều kiện nhưng chưa muốn tốt nghiệp)

Kính gửi: Phòng đào tạo- Học viện HKVN

Tên em là:.....

Ngày sinh:.....

Mã sinh viên:.....

Lớp:

Khóa:.....

Ngành đào tạo:.....

Chuyên ngành (nếu có):.....

Điện thoại liên lạc:.....

Hiện nay em đã hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện tốt nghiệp với điểm trung bình tích lũy là..... Nay em làm đơn này xin Học viện chưa xét tốt nghiệp cho em để em học cải thiện điểm nâng hạng tốt nghiệp cho đến khi em có đơn xin xét tốt nghiệp trở lại.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Ngày..... tháng.....năm 20...

Chấp thuận của Phòng đào tạo

(ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên đăng ký

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 2



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÉT TỐT NGHIỆP

(áp dụng cho sinh viên đào tạo theo tín chỉ xin tốt nghiệp sớm hoặc đã có đơn xin chưa xét tốt nghiệp nay xin xét tốt nghiệp)

Kính gửi: Phòng đào tạo- Học viện HKVN

Tên em là:.....

Ngày sinh:.....

Mã sinh viên:.....

Lớp:.....

Khóa:.....

Ngành đào tạo:.....

Chuyên ngành (nếu có):.....

Điện thoại liên lạc:.....

Hiện nay em đã hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện tốt nghiệp. Nay em làm đơn này xin Học viện xét tốt nghiệp sớm cho em so với thời gian thiết kế của khoá học (*đối với sinh viên xin tốt nghiệp sớm*).

Hoặc

Ngày..... tháng năm em đã có đơn xin chưa xét tốt nghiệp và đã được phòng Đào tạo chấp thuận (xin gửi kèm theo đơn có sự chấp thuận của phòng Đào tạo). Nay em đã hoàn tất việc cải thiện điểm để nâng hạng tốt nghiệp và viết đơn này kính đề nghị Học viện xét tốt nghiệp cho em (*đối với sinh viên có đơn xin chưa xét tốt nghiệp nay xin xét tốt nghiệp*).

Sở tay sinh viên

Em xin trân trọng cảm ơn!

Chấp thuận của Phòng đào tạo
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 20...

Sinh viên đăng ký
(ký và ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên

**Mẫu 3**

Hình 3x4
(chụp lâu nhất
là 03 tháng)
Chú ý: Không
dán hình bằng
keo 2 mặt

Hình 3x4
(chụp lâu nhất
là 03 tháng)

(Dán hồ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM BẰNG

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Mã sinh viên:

Lớp học:

Khóa học:

Ngành đào tạo:

Chuyên ngành (nếu có):

Nơi sinh (tỉnh/Tp):

Số điện thoại:

Nguyên quán:

Hộ khẩu thường trú:

Em đã hoàn thành chương trình đào tạo và xin xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của các bộ phận liên quan để làm bằng tốt nghiệp.

X/n Tài chính X/n Thư viện X/n Ký túc xá X/n P.QLHSSV X/n Đoàn TN Chữ ký SV

Lưu ý:

1. Điền đầy đủ và chính xác các thông tin.
2. Lấy xác nhận của các bộ phận liên quan.

Số tay sinh viên

3. Lấy xác nhận của phòng Tài chính - kế toán và nộp phí làm bằng tại phòng Tài chính - kế toán.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ ỒM

(áp dụng cho sinh viên nghỉ ốm trong quá trình học hoặc đợt thi)

Kính gửi: Trưởng khoa (tên khoa quản lý học phần)

Tên em là:.....

Ngày sinh:.....

Mã sinh viên:.....

Lớp:

Khóa:.....

Ngành đào tạo:.....

Số điện thoại liên lạc:.....

Sinh viên trình bày nội dung xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc đợt thi kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế địa phương hoặc của bệnh viện để được Trưởng khoa cho phép học hoặc không học tiếp học phần và được thi vào học kỳ phụ (nếu có).

Em xin trân trọng cảm ơn!

Ngày..... tháng.....năm 20...

Chấp thuận của Trưởng khoa

Sinh viên đăng ký

Số tay sinh viên

(*ký và ghi rõ họ tên*)
 BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
 HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: 191/QĐ-HVHK-ĐT

(*ký và ghi rõ họ tên*)
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung quy định học cùng lúc hai ngành trong “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam”

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng Không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung việc học cùng lúc hai ngành trong “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam” tại Quyết định 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt nam như sau:

Sở tay sinh viên

1. Sinh viên học cùng lúc hai ngành là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một ngành thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai ngành:

a) Ngành đào tạo thứ hai phải có chương trình khác ngành đào tạo thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của ngành đào tạo thứ nhất;

c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở ngành đào tạo thứ nhất;

3. Thời gian đăng ký học ngành thứ hai vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm, sau khi có kết quả học tập của học kỳ 1, hoặc kết quả học tập của năm học liền kề trước đó.

4. Quy trình **đăng ký học ngành thứ hai**

a) Sinh viên nộp Đơn đăng ký học ngành thứ 2 (theo Mẫu) tại phòng Đào tạo vào thời gian làm việc theo quy định.

b) Phòng Đào tạo căn cứ điều kiện học cùng lúc hai ngành lập danh sách sinh viên đủ điều kiện báo cáo Giám đốc ra quyết định, thông báo đến sinh viên và các đơn vị liên quan trước thời gian đăng ký học phần của các học kỳ chính.

c) Sinh viên đăng ký học phần và đóng học phí cho các học phần của ngành thứ hai giống như ngành thứ nhất. Học viện thông báo mức học phí cụ thể của ngành thứ hai cho từng năm học theo nguyên tắc cao hơn mức học phí của ngành thứ nhất. Sinh viên không được miễn giảm học phí ngành thứ hai.

SỔ tay sinh viên

5. Sinh viên đang học thêm ngành thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của ngành thứ hai, phải dừng học thêm ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
6. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc ngành là thời gian tối đa quy định cho chương trình đào tạo của ngành thứ nhất. Khi học ngành thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình của ngành thứ nhất.
7. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình của ngành thứ nhất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Phòng, Khoa, thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên thuộc Học viện Hàng không Việt nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

Sổ tay sinh viên



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ HỌC NGÀNH THỨ 2

Kính gửi: Phòng Đào tạo - Học viện HKVN

Tên em là:
 Ngày sinh:.....
 Mã sinh viên:.....
 Lớp:
 Khóa:.....
 Ngành đào tạo:.....
 Số điện thoại liên lạc:.....

Căn cứ quy định về học cùng lúc hai ngành của Học viện HKVN, em làm đơn này xin Học viện cho em được đăng ký học ngành thứ 2.

Tên ngành thứ hai:.....

Em xin chấp hành các quy định về học cùng lúc hai ngành của Học viện

Em xin trân trọng cảm ơn!

Ngày..... tháng.....năm 20...

Sinh viên đăng ký

(ký và ghi rõ họ tên)

Số tay sinh viên

PHẦN KIỂM TRA, CHẤP THUẬN

Sau khi xem xét, Học viện HKVN chấp thuận cho sinh viên..... được học thêm ngành thứ 2 là theo các quy chế đào tạo của Học viện.

TUQ. Giám đốc Học viện HKVN
Trưởng Phòng đào tạo
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sổ tay sinh viên

Phần 5:

THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

1. Hồ sơ sinh viên:

Sinh viên khi nhập học nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời trong hồ sơ nhập học, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời có giá trị trong 1 năm, sau thời gian 1 năm, sinh viên bắt buộc phải nộp bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT để hoàn chỉnh hồ sơ sinh viên tại phòng Công tác học sinh – sinh viên G04.

2. Xác nhận sinh viên:

Sinh viên cần xin xác nhận đang là sinh viên của Học viện để xin tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, vay vốn ngân hàng hay để hoàn tất hồ sơ cá nhân: tài mẫu đơn, mẫu giấy xác nhận trên trang web sv.vaa.edu.vn, điền đầy đủ thông tin, nộp về phòng Công tác học sinh – sinh viên G04 vào thứ 3 và thứ 5 hàng tuần (theo lịch tiếp sinh viên của Học viện)

3. Miễn giảm học phí cho sinh viên:

a. Đối tượng được miễn giảm học phí:

a) Đối tượng được miễn 100% học phí:

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

- Con của người hoạt động cách mạng, con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Liệt sỹ; con thương binh, bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Sổ tay sinh viên

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ít người ở vùng có điều kiện kinh tế tế khó khăn.

b) Đối tượng được giảm 50% học phí:

Sinh viên là con cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b. Thủ tục miễn giảm học phí:

Sinh viên tải các biểu mẫu trên trang web sv.vaa.edu.vn và hoàn chỉnh hồ sơ xin miễn giảm học phí nộp về phòng Công tác học sinh – sinh viên G04 gồm:

- Con thương binh, bệnh binh phải có thẻ thương – bệnh binh, giấy khai sinh.
- Các đối tượng khác phải có Hộ khẩu, Giấy chứng nhận của địa phương
- Các giấy tờ phải sao y công chứng.

Lưu ý: Sinh viên thực hiện đóng học phí theo quy định. Trong vòng 3 tháng, những sinh viên thuộc diện được miễn giảm học phí làm hồ sơ xin miễn giảm theo quy định, Học viện sẽ hoàn lại số tiền học phí được miễn giảm cho sinh viên thuộc đối tượng được miễn giảm học phí.

4. Học bổng cho sinh viên:

a. Các hình thức học bổng:

- Học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Chính phủ: được công khai trên trang web Học viện.

- Học bổng của các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước hàng năm cấp cho những sinh viên có kết quả tốt trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện, tham gia các phong trào hoặc vượt khó... theo tiêu chí của nhà tài trợ.

Sổ tay sinh viên

b. Đối tượng được xét học bổng:

- Sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện mỗi học kỳ từ loại Khá trở lên, không vi phạm các nội quy, quy định của Học viện, không vi phạm pháp luật, không có điểm dưới trung bình.

c. Phương thức xét học bổng: căn cứ chỉ tiêu học bổng đã được Giám đốc Học viện quyết định và công bố, Hội đồng xét học bổng của Học viện sẽ xét theo kết quả từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

5. Điều kiện ở ký túc xá:

Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2 có hoàn cảnh khó khăn và thuộc các đối tượng chính sách được xét ưu tiên ở ký túc xá của Học viện. Sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 có thành tích xuất sắc trong học tập, hoạt động Đoàn – Hội và Ký túc xá được xem xét ở ký túc xá nếu còn chỗ trống.

6. Sinh hoạt Đảng, Đoàn thể của sinh viên:

Sinh viên đã là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, khi làm thủ tục chuyển sinh hoạt Đảng về Học viện, cần ghi rõ nơi chuyển đến là: Đảng ủy Bộ Giao thông vận tải, sau đó mang nộp tại Đảng ủy Học viện Hàng không Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến công tác Đảng liên hệ Phòng TCCB&QLSV A13.

Sinh viên đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng cần báo cáo cho Bí thư chi đoàn, Ban chấp hành Đoàn Khoa và phải tích cực học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động Đoàn – Hội trong quá trình học tập tại Học viện.

Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện sinh viên, rèn luyện Đoàn viên theo quy định, chuyển sinh hoạt Đoàn đến Học viện khi nhập học và chuyển sinh hoạt đi khi tốt nghiệp, gia nhập và tham gia tổ chức Hội Sinh viên.

Sổ tay sinh viên

7. Bảo hiểm y tế sinh viên:

Sinh viên đóng tiền bảo hiểm y tế tại Phòng Tài chính – Kế toán, lấy phiếu thu nộp cho Ban cán sự lớp, Ban cán sự lớp lập danh sách và đăng ký bệnh viện nơi khám chữa bệnh của từng sinh viên, sau đó nộp danh sách và phiếu thu tại phòng G02, cơ sở 2 của Học viện.

Thẻ Bảo hiểm y tế sinh viên có giá trị sử dụng là 12 tháng.

8. Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên:

Hằng năm sinh viên phải tự đánh giá kết quả rèn luyện theo mẫu tải từ trang web sv.vaa.edu.vn. Sau khi tự khai phiếu đánh giá kết quả rèn luyện, sinh viên nộp cho Ban cán sự lớp để tổng hợp, nộp về Khoa để Giáo viên chủ nhiệm và BCH Đoàn Khoa xem xét, chấm điểm theo từng mục trong phiếu đánh giá kết quả rèn luyện, sau đó lãnh đạo Khoa chuyên môn kiểm tra, ký xác nhận. Khoa lập danh sách chấm điểm rèn luyện sinh viên và gửi về Phòng Công tác học sinh – sinh viên G04.

9. Hoạt động của ban cán sự lớp:

Vào đầu mỗi năm học, các lớp tổ chức họp lớp, bầu ra Ban cán sự lớp gồm: 1 lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó và được Học viện ra quyết định công nhận. nhiệm vụ và quyền hạn của Ban cán sự các lớp hoạt động phù hợp với quy chế và nội quy của Học viện. Đồng thời, bầu ra Ban chấp hành chi đoàn gồm 1 bí thư, 1 phó bí thư, có thể thêm 1 ủy viên BCH nếu cần thiết. Lớp trưởng sẽ kiêm nhiệm là Chi hội trưởng chi hội sinh viên lớp.

10. Các quy định và thông tin khác:

Sinh viên có ý kiến đóng góp có thể gửi về hòm thư góp ý của Học viện.

Việc nhận thư chuyển tiền, bưu kiện của sinh viên: Sau

Sổ tay sinh viên

khi nhận được giấy báo (thư) nhận tiền qua bưu điện hoặc giấy báo nhận bưu kiện,... Sinh viên mang giấy báo đó kèm theo thẻ sinh viên gặp Trưởng hoặc Phó Phòng TCCB & QLSV xin xác nhận của Học viện (ký xác nhận) sau đó mang đến Phòng Văn thư (tại cơ sở 1) xin đóng dấu để nhận tại bưu điện.

Phần 6:

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN

Điều 1. Trách nhiệm và quyền của sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học

1. Trách nhiệm của sinh viên

- a) Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.
- b) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học và các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong Học viện.
- c) Trung thực trong nghiên cứu khoa học, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Quyền của sinh viên

- a) Được tham gia thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên trong một năm học.
- b) Được sử dụng các thiết bị sẵn có của Học viện để tiến hành nghiên cứu khoa học.
- c) Công bố kết quả nghiên cứu trên các kỷ yếu, tập san, tạp chí, thông báo khoa học của Học viện và các phương tiện thông tin khác.
- d) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu và công bố khoa học do sinh viên thực hiện theo quy định hiện hành.

Sở tay sinh viên

đ) Được ưu tiên xét cấp học bổng; xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền của người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và chịu trách nhiệm về nội dung của đề tài được phân công hướng dẫn.
2. Được hướng dẫn tối đa hai đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cùng thời gian.
3. Được tính giờ nghiên cứu khoa học sau khi hoàn thành việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
4. Được ưu tiên xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu có thành tích hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá xếp loại xuất sắc hoặc được triển khai ứng dụng vào thực tiễn.

Điều 3. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sinh viên, người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được khen thưởng các cấp theo quy định hiện hành.
2. Cá nhân, tập thể vi phạm các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thì tùy tính chất và mức độ sai phạm sẽ bị xử lý các hình thức kỷ luật khác nhau theo quy định hiện hành.

Điều 4. Hướng dẫn thực hiện đề tài NCKH của sinh viên

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên:
 - Nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo.

Sở tay sinh viên

- Tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, đời sống và an ninh quốc phòng.
 - Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo, câu lạc bộ khoa học sinh viên.
2. Quy định về nội dung nghiên cứu và Hội đồng nghiệm thu:
- Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể là một phần đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên, cán bộ nghiên cứu chủ trì hoặc là đề tài do sinh viên tự chọn.
 - Mỗi sinh viên hay một nhóm sinh viên (không quá 5 sinh viên) thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên, cán bộ nghiên cứu hay nghiên cứu sinh.
 - Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được Hội đồng khoa học Khoa nghiệm thu và cho điểm.
 - Căn cứ kết quả nghiệm thu, Hội đồng khoa học Khoa chọn đề tài NCKH của sinh viên dự thi các giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” cấp thành phố.
 - Hội đồng khoa học Khoa phải có từ 5-7 người, 2/3 là cán bộ khoa học, trong đó ít nhất phải có 2 phản biện (phản biện phải viết bằng văn bản), còn 1/3 là cán bộ quản lý NCKH.
3. Quy trình đăng ký
- Sinh viên đăng ký đề tài tại Khoa thông qua giáo viên hướng dẫn (thời gian đăng ký tại Khoa chuyên môn: theo thông báo hàng năm hàng năm, biểu mẫu đăng ký tải trên trang sv.vaa.edu.vn).
 - Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tuyển chọn các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên hàng năm nộp hồ sơ về phòng KHCN gồm:
 - + Tờ trình kèm theo Danh sách đề tài sinh viên được tuyển chọn.
 - + Biên bản họp tuyển chọn đề tài của Khoa
 - + Đăng ký và đề cương nghiên cứu của các đề tài được tuyển chọn.

Sở tay sinh viên

- Phòng KHCN dựa trên tờ trình đề xuất của Khoa làm các thủ tục xin phê duyệt kinh phí cho các đề tài Khoa đưa lên.
- Sau khi có Quyết định kinh phí được giao: Khoa tổ chức giám sát và nghiệm thu các đề tài đã được chọn theo tiến độ đã đăng ký trên đề cương đã được duyệt.
- Hội đồng khoa học Khoa nghiệm thu, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và gửi đến phòng Khoa học Công nghệ. Mỗi hồ sơ gồm:
 - + 02 (hai) cuốn công trình nghiên cứu hoàn chỉnh
 - + Nhận xét, đánh giá và cho điểm của Hội đồng khoa học cấp Khoa (theo mẫu).
 - + Biên bản nghiệm thu cấp Khoa.
 - + Tờ nhận xét của 02 phản biện.
 - + Phiếu đánh giá của thành viên hội đồng
- Căn cứ vào kết quả trên Hội đồng Khoa gửi lên, Phòng KHCN làm các thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài đã được duyệt.

Phần 7

CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP – TƯ VẤN VIỆC LÀM SINH VIÊN

1. Công tác hướng nghiệp:

- Trung tâm là đơn vị tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên – học sinh trong toàn Học viện thông qua các buổi giao lưu hướng nghiệp của các đơn vị trong và ngoài ngành Hàng không.
- Tổ chức tư vấn, hỗ trợ sinh viên – học sinh về vị trí, việc làm phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng cá nhân sau khi tốt nghiệp.

2. Công tác tư vấn việc làm:

- Cung cấp thông tin việc làm của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động cho sinh viên – học sinh, giới thiệu việc làm phù hợp cho sinh viên – học sinh; giúp các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động lựa chọn lao động phù hợp với yêu cầu công việc.
- Tổ chức các buổi giao lưu, hội thảo, hội nghị, hội chợ việc làm cho sinh viên- học sinh trong toàn học viện.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng và phương pháp làm việc nhằm trang bị cho sinh viên trước khi ra trường
- Trong các dịp cao điểm như hè, lễ tết... Học viện đã ký các biên bản thỏa thuận cung cấp lực lượng sinh viên làm việc bán thời gian tại sân bay. Khi có yêu cầu tuyển dụng việc làm bán thời gian từ các đơn vị Học viện sẽ thông báo thông qua các kênh truyền thông của Học viện. Sinh viên – Học sinh cần chuẩn bị 1 bộ hồ sơ ứng tuyển (bao

Sổ tay sinh viên

gồm : Sơ yếu lý lịch có công chứng tại địa phương, CMND, hộ khẩu photo có công chứng, giấy khám sức khỏe).

3. Công tác khảo sát:

- Trung tâm là đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu về người học và chuẩn bị tốt nghiệp theo từng năm học để cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động.
- Khảo sát, thống kê về việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Phối hợp khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Mọi thông tin về công tác hướng nghiệp – tư vấn việc làm sinh viên liên hệ :

Trung tâm hướng nghiệp – tư vấn việc làm

104 Nguyễn Văn Trỗi – Phường 8 – quận Phú Nhuận

Tel: 028.38479286

Facebook: Trung tâm hướng nghiệp – tư vấn việc làm Học viện Hàng không

Phần 8: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN TRỰC TUYẾN

1. Chọn đợt đăng ký và loại đăng ký

NỘI DUNG CHI TIẾT

Đợt đăng ký: Đợt 1 năm 2012 Học mới Học lại

- Đợt đăng ký: đợt đăng ký tương ứng với học kỳ mà sinh viên muốn đăng ký môn học, căn cứ vào tiến độ đăng ký học phần và kế hoạch do Phòng đào tạo thông báo, Sinh viên tiến hành đăng ký đúng đợt quy định.
- Check chọn “**Học mới**”.

2. Chọn môn học phần đăng ký

Môn học phần chờ đăng ký						Học phần yêu cầu: học trước (a), bắt buộc (b), hoặc không (c)	Học phần tương đương
STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Bắt buộc	Học phần yêu cầu: học trước (a), bắt buộc (b), hoặc không (c)	Học phần tương đương	
<input type="radio"/>	1	Anh văn giao tiếp 2	3	✘			
<input type="radio"/>	2	Công nghệ may trang phục 1	3	✘			
<input checked="" type="radio"/>	3	Công nghệ may trang phục 1 - Thực hành	2	✘	0201000319 (c)		
<input type="radio"/>	4	Đồ án thiết kế trang phục 2	1	✘			
<input type="radio"/>	5	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	✘	0201001840(a), 0201001231(a)		

- Học phần yêu cầu: là những học phần yêu cầu sinh viên phải lưu ý trước khi đăng ký (SV rê chuột lên mã học phần yêu cầu để xem thông tin tên môn học) bao gồm 3 loại

+ **Học phần trước (a)** là học phần mà sinh viên phải học xong (có thể chưa đạt) mới có điều kiện học tiếp học

Sở tay sinh viên

phần sau. Ví dụ: Học phần A là học phần trước của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên được xác nhận học xong học phần A.

+ **Học phần tiên quyết (b)** là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy (đạt yêu cầu) mới đủ điều kiện để tiếp thu kiến thức học phần sau. Ví dụ: Học phần A là tiên quyết của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã học hoàn tất học phần A và kết quả đạt yêu cầu.

+ **Học phần song hành (c)** là những học phần diễn ra trong cùng một thời gian. Ví dụ: Học phần A là học phần song hành với học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học phần A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.

+ **Học phần tương đương:** là học phần sinh viên có quyền đăng ký thay thế cho một học phần khác. Ví dụ: Học phần A là học phần tương đương của B, nghĩa là trong trường hợp không tìm thấy học phần A, sinh viên có thể đăng ký học phần B, kết quả được xét giữa A hoặc B là tương đương nhau.

3. Chọn lớp học phần chờ đăng ký

Lớp học phần chờ đăng ký						
STT	Lớp học phần	Lớp dự kiến	Số		Trạng thái	
			tối đa	đăng ký		
<input checked="" type="radio"/>	1	020100004801	11CHL01	65	62	Đã khóa
<input type="radio"/>	2	020100004805	10CTCHL02	60	6	Chí đăng ký
<input type="radio"/>	3	020100004804	11CHL01	69	68	Chí đăng ký
<input type="radio"/>	4	020100004802	11CHL01	65	64	Đã khóa
<input type="radio"/>	5	020100004806	10CTCHL02	60	2	Chí đăng ký
<input type="radio"/>	6	020100004803	11CHL01	68	68	Chí đăng ký

Sở tay sinh viên

- **Lớp dự kiến:** là định hướng mở lớp học phân theo lớp danh nghĩa ban đầu, sinh viên căn cứ vào lớp dự kiến để đăng ký học phân thuận tiện hơn nhưng không phải là yếu tố bắt buộc lựa chọn.

- **Sĩ số:**

+ Sĩ số tối đa: là giới hạn số lượng sinh viên được phép đăng ký vào lớp học phân được chọn.

+ Sĩ số đăng ký: là số lượng sinh viên đã đăng ký vào lớp học phân được chọn.

- **Trạng thái:** quy định trạng thái hoạt động của lớp học phân được chọn bao gồm 5 trạng thái

1. Đăng lên kế hoạch: các đơn vị tiến hành lên lịch học cho lớp, SV chỉ đăng ký được khi môn học đã có lịch (thứ, từ tiết, đến tiết, ngày bắt đầu, kết thúc), trạng thái này SV chưa thể đăng ký.

2. Mở lớp: sinh viên được tự do đăng ký hoặc hủy đăng ký nhưng chưa thể đóng học phí.

3. Chỉ đăng ký: sinh viên chỉ được phép đăng ký vào nhưng không được rút tên ra khỏi lớp học phân đã đăng ký, sinh viên có thể đóng học phí tại phòng Kế toán.

4. Khóa lớp: sinh viên không được phép đăng ký vào và không được rút tên ra khỏi lớp học phân đã đăng ký, sinh viên phải đóng học phí tại phòng Kế toán, trong trường hợp đã đăng ký mà không đóng học phí, Sinh viên sẽ nhận điểm N (tương ứng điểm nợ) cho môn học đã đăng ký, ở học kỳ sau, khi đăng ký Sinh viên phải hoàn tất nghĩa vụ môn học nợ trước khi đăng ký học môn tiếp theo. Trong trường hợp có lý do chính đáng, sinh viên liên hệ P. Đào tạo để được giải quyết. Trạng thái này lớp học mới được nhập điểm.

Sổ tay sinh viên

5. Hủy lớp: Sinh viên không được phép đăng ký vào mà chỉ được rút tên ra khỏi danh sách lớp để đăng ký sang một lớp khác

- Hạn nộp học phí lần 1 & lần 2: quy định thời điểm kết thúc nộp học phí

+ Nếu hết thời hạn nộp học phí lần 1 mà sinh viên chưa đóng học phí thì hệ thống sẽ hủy học phần đã đăng ký, để cho sinh viên khác có thể đăng ký.

+ Nếu hết thời hạn nộp học phí lần 2 mà sinh viên chưa đóng học phí thì hệ thống sẽ cập nhật học phần đã đăng ký thành điểm N, nghĩa là bị rớt và khi sinh viên đăng ký học lại môn này thì bắt buộc phải đóng học phí môn học phần bị điểm N thì mới được phép đăng ký học lại.

Xem thông tin chi tiết lớp học phần:

Thông tin chi tiết lớp học phần: 020100004801 Anh văn giao tiếp 2 - Đã khóa			
Chọn nhóm: <input type="text" value="Nhóm 2"/>	Sĩ số tối đa: 65	Sĩ số đăng ký: 62	
Hạn nộp HP lần 1: 10-10-2012	Hạn nộp HP lần 2: 15-10-2012		
Lịch học	Phòng	Giảng viên	Thời gian
LT-Thứ 3(T13 -> T16)-Nhóm 2	V.208	Chu Quang Phê	23/10/2012 - 20/11/2012
LT-Thứ 5(T13 -> T16)-Nhóm 2	V.208	Chu Quang Phê	25/10/2012 - 22/11/2012
LT-Thứ 7(T13 -> T16)-Nhóm 2	V.208	Chu Quang Phê	27/10/2012 - 24/11/2012

4. Click **Đăng ký** để hoàn tất đăng ký lớp học phần

5. **Xem thống kê môn học đã đăng ký trong đợt học vừa chọn**

Sở tay sinh viên

Lớp học phần đã đăng ký trong học kỳ này												
STT	Mã LHP	Tên học phần	Số TC	Nhóm TH	Học phí	Hạn nộp		Thu	Trạng thái	Ngày đ.ký		
						lần 1	lần 2					
<input type="radio"/>	1	020100004717	Anh văn giao tiếp 1	3		759.000			<input checked="" type="checkbox"/>	Đăng ký mới	13-12-2012	Hủy
<input checked="" type="radio"/>	2	020100058518	Giáo dục quốc phòng - Cao đẳng	9		270.000			<input checked="" type="checkbox"/>	Đăng ký mới	26-09-2012	Hủy
<input type="radio"/>	3	020100059218	Giáo dục thể chất 1	1		90.000			<input checked="" type="checkbox"/>	Đăng ký mới	26-09-2012	Hủy
<input type="radio"/>	4	020100059318	Giáo dục thể chất 2	1		90.000			<input checked="" type="checkbox"/>	Đăng ký mới	26-09-2012	Hủy
<input type="radio"/>	5	020100059418	Giáo dục thể chất 3	1		90.000			<input checked="" type="checkbox"/>	Đăng ký mới	26-09-2012	Hủy

Học phí: số tiền sinh viên phải nộp cho từng học phần, số tiền này đã được miễn giảm (nếu có).

Thu: thể hiện trạng thái thanh toán học phí của học phần: đã nộp, chưa nộp

Trạng thái: là trạng thái đăng ký học phần của sinh viên bao gồm đăng ký mới, đăng ký học lại.

Ngày đăng ký: thông tin ngày sinh viên đăng ký học phần.

Trong trường hợp sinh viên muốn hủy học phần đã đăng ký thì chọn học phần cần hủy và click nút “Hủy”.

Lưu ý các trường hợp sau sẽ không được hủy học phần đã đăng ký, sinh viên liên hệ Phòng Đào tạo để được giải quyết.

1. Rơi vào trạng thái lớp: chỉ đăng ký, khóa lớp.

2. Học phần đã đóng học phí

Phần 9:

HƯỚNG DẪN THANH TOÁN HỌC PHÍ TRỰC TUYẾN QUA CÔNG THANH TOÁN VIETINBANK

1. Truy cập Portal Sinh Viên của Học Viện Hàng không ở địa chỉ: sv.vaa.edu.vn

The screenshot shows the student portal interface. At the top, there are navigation tabs: "Thông báo", "Công tác sinh viên", "Trung cấp nghề", "Đoàn - Hội VAA", "Văn bản", "Điều mẫu", and "Danh sách mẫu". The main content area is titled "Cổng thông tin sinh viên Học Viện Hàng Không Việt Nam".

On the left, there is a banner for "Today's Voice Contest 2014 YOUR CHOICE" with details about a contest and a deadline of 10:00 AM on 24/10/2016.

The main announcement section includes:

- Thông báo Hội thi "Tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh" lần 1 năm 2016** (Ngày đăng: 24-05-2016)
- Thông báo về việc chiêu phm tu liệu về chủ tịch Hồ Chí Minh chào mừng sinh nhật Bác 19/05/2016** (Ngày đăng: 20-05-2016)
- Thông báo CS thể BHYT đợt 8/2016** (Ngày đăng: 19-05-2016)
- Lịch thi học kỳ 2 năm học 2015-2016 các lớp ĐH, CS chính quy** (Ngày đăng: 17-05-2016)
- Sinh viên bị trùng lịch thi liên hệ trực tiếp phòng đào tạo trước ngày 31/05/2016 để được hỗ trợ giải quyết.**
- Thông báo tổng kết công tác Đoàn - Hội năm học 2015-2016** (Ngày đăng: 19-05-2016)
- Ban chấp hành Đoàn Học viên thông báo về việc tổng kết công tác Đoàn - Hội năm học 2015-2016 gồm các nội dung sau:**
 - Tổng kết ngày rèn luyện Đoàn viên, xác nhận phiếu đăng ký làm bằng tốt nghiệp, chuyển sinh hoạt Đoàn cho Đoàn viên sắp tốt nghiệp
 - Đăng ký thực hiện mùa thi nghiêm túc, phòng chống ma túy trong học đường, thực hiện an toàn giao thông và mũ dây an toàn
 - Báo cáo tổng kết và đề xuất khen thưởng năm học 2015-2016
 - Thông báo khác

At the bottom of the main content, there is a list of links: "1. Tổng kết ngày rèn luyện Đoàn viên, xác nhận phiếu đăng ký làm bằng tốt nghiệp, chuyển sinh hoạt Đoàn cho Đoàn viên sắp tốt nghiệp", "2. Đăng ký thực hiện mùa thi nghiêm túc, phòng chống ma túy trong học đường, thực hiện an toàn giao thông và mũ dây an toàn", "3. Báo cáo tổng kết và đề xuất khen thưởng năm học 2015-2016", "4. Thông báo khác", and "Tải thông báo theo file đính kèm sau: THÔNG BÁO CỦA ĐOÀN THANH NIÊN HV-HKN".

On the right side, there is a "ĐĂNG NHẬP" (Login) section with a form for "Mã sinh viên" (Student ID) and "Đường link" (Link). Below it is a "ĐĂNG KÝ" (Registration) section with a "Tra cứu thông tin" (Check information) button.

At the bottom right, there is a "THỐNG KÊ" (Statistics) section showing: "Đang online: 16", "Hôm nay: 335", "Hôm qua: 2351", and "Tổng cộng: 1933262".

At the bottom of the page, there is a watermark for "Activate Windows" and "Go to Settings to activate Windows".

2. Đăng nhập vào Portal Sinh viên, sử dụng tài khoản sinh viên được cấp khi đăng ký học

Sở tay sinh viên

Công việc

svva.edu.vn

Công thông tin sinh viên
Học Viện Hàng Không Việt Nam

Thông báo

THÔNG BÁO

Thông báo Hội thi "Tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh" lần 1 năm 2016

Ngày đăng: 24-05-2016

Thông báo về việc chiêu phm từ liệu về chủ tịch Hồ Chí Minh chào mừng sinh nhật Bác: 19/05/2016

Ngày đăng: 20-05-2016

Thông báo có chủ BHYT đợt 8/2016

Ngày đăng: 18-05-2016

Lịch thi học kỳ 2 năm học 2015-2016 các lớp ĐH, CĐ chính quy

Ngày đăng: 17-05-2016

Sinh viên theo dõi lịch thi kết thúc học phần học 2 tại đây

Sinh viên bị trùng lịch thi nên hệ trực tiếp phỏng đảo tạo trước ngày 31/05/2016 để được hỗ trợ giải quyết.

Ngày đăng: 16-05-2016

Thông báo tổng kết công tác Đoàn - Hội năm học 2015-2016

Ngày đăng: 16-05-2016

Ban chấp hành Đoàn Học viện thông báo về việc: tổng kết công tác Đoàn - Hội năm học 2015-2016 gồm các nội dung sau:

1. Tổng kết ngày rèn luyện Đoàn viên, xác nhận phiếu đăng ký tâm bằng tốt nghiệp, chuyển sinh hoạt Đoàn cho Đoàn viên sắp tốt nghiệp
2. Đăng ký thực hiện mùa thi nghiêm túc, phòng chống ma túy trong học đường; thực hiện an toàn giao thông và mũ bảo hiểm
3. Báo cáo tổng kết và đề xuất khen thưởng năm học 2015-2016
4. Thông báo khác

Tải thông báo theo địa chỉ kèm sau: THÔNG BÁO CỦA ĐOÀN THANH NIÊN HAVN

ĐĂNG NHẬP

Mã sinh viên:
1453020132

Mật khẩu:
[input type="password"]

Mã bảo vệ:
4m/v

Đăng nhập

DANH CHỌ PHỤ HUYNH

Tìm tra thông tin

THỐNG KÊ

Đang online: 16

Hôm nay: 335

Hôm qua: 2351

Tổng cộng: 1933262

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows

3. Chọn mục Công nợ sinh viên

Công việc

svva.edu.vn/HoSoSinhVien.aspx

TEST B

Xin chào
TEST B

Đổi mật khẩu Đăng xuất

CHỨC NĂNG

- Thông tin sinh viên
- Đăng ký học các môn
- Xem lịch học, lịch thi theo tuần
- Danh sách phiếu thu
- Thông tin điểm danh
- Xem chương trình học
- Kiểm tra học tập
- Xem lịch học
- Xem lịch thi
- Chọn môn cần đóng học phí
- Đổi mật khẩu

CHỨC NĂNG THỰC TUYÊN

- Đăng ký học các môn
- Đăng ký học phần
- Liên hệ giúp ý

THỐNG KÊ

Đang online: 16

Hôm nay: 336

Hình Sinh viên

Trạng thái: Đang học

Giới tính: Nam

Ngày vào trường: Mã hồ sơ:

Khóa: Khóa 2014 Cơ sở: Học viện Hàng không Việt Nam

Bậc đào tạo: Đại học - Tin chỉ Loại hình đào tạo: Chính quy

Ngành: Công nghệ KT điện tử, truyền thông Chuyên ngành: Công nghệ KT điện tử, truyền thông

MSSV: 1453020132 Lớp: TEST_TT

Chức vụ: Công tác Đoàn

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Ngày sinh: 08/01/1991 Nơi sinh:

Đân tộc: Tên gia đình:

Khu vực: CMND:

Đổi tương: Ngày cấp:

Điện chính sách: Nơi cấp:

Ngày vào Đoàn: Ngày vào Đảng:

Điện thoại di động: Email:

Hộ khẩu:

Địa chỉ liên hệ:

Ghi chú: nếu sinh viên thấy thông tin của mình chưa chính xác, xin vui lòng liên hệ phòng công tác HSSV để cập nhật lại.

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows

4. Chọn các môn cần đóng học phí

Sở tay sinh viên

STT	Mã	Nội dung thi	Tài trợ	Số tiền (VNĐ)	Đã nộp (VNĐ)	Chưa nộp (VNĐ)	Công nợ (VNĐ)	Trạng thái
1	0101000005	Thi nghiệm viết) đại cương		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
2	0101000007	Toán cao cấp A1		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
3	0101000005	Viết lý đại cương		3.000	0	0	2.000	Chưa nộp
4	0101000011	Toán cao cấp A2		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
5	0101000010	Chương trình cách mạng Đảng CSVN		3.000	0	0	2.000	Chưa nộp
6	0101000090	Lý thuyết mạch 1		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
7	0101000017	Hóa đại cương		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
8	0101000015	Giáo dục quốc phòng- an ninh		1.000	0	0	2.000	Chưa nộp
9	0101000088	Toán cao cấp A3		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
10	0101000087	Toán chuyên ôá		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
11	0101000012	Anh văn cơ bản 2		2.000	0	0	2.000	Chưa nộp
12	0101000014	Giáo dục thể chất 2		1.000	0	0	2.000	Chưa nộp
13	0101000002	Nguyên lý cơ bản CN Mác - Lênin		5.000	0	0	2.000	Chưa nộp
14	0101000084	Toán cao cấp		4.000	0	0	2.000	Chưa nộp

5. Nhấn vào nút Thanh toán



6. Thông tin Thanh toán học phí Online, chọn Thanh toán

Sổ tay sinh viên

Thanh Toán Học Phí Online - Google Chrome
sv.vaa.edu.vn/ThanhToan.aspx

THANH TOÁN HỌC PHÍ ONLINE

Mã SV:	1453020132
Họ và Tên:	TEST B
Lớp học:	TEST_TT
Ngân hàng thanh toán:	VietinBank

STT	Mã	Nội dung thu	Số tiền	Hủy
1	0101000086	Thi nghiệm vật lý đại cương	2,000 VND	Hủy
2	0101000007	Toán cao cấp A1	2,000 VND	Hủy
3	0101000005	Vật lý đại cương	2,000 VND	Hủy
Tổng tiền			6,000 VND	

Thanh toán VietinBank

7. Tiến hành thanh toán học phí qua cổng thanh toán của Vietinbank

Sổ tay sinh viên


Thanh toán bằng thẻ E-Partner Ngân hàng VietinBank - Google Chrome
VIET NAM PAYMENT SOLUTION JOINT STOCK COMPANY [VN] https://www.vnpayment.vn/payment/VietinBank/Transa

Thông tin thanh toán

Mã đơn hàng: **eb6f4808d8b740a2a6d6ebeeceba33cf5**
Số tiền: **6.000 VND**
Nội dung thanh toán: **1453020132_Thu học phí**

Thanh toán bằng thẻ E-Partner Ngân hàng VietinBank

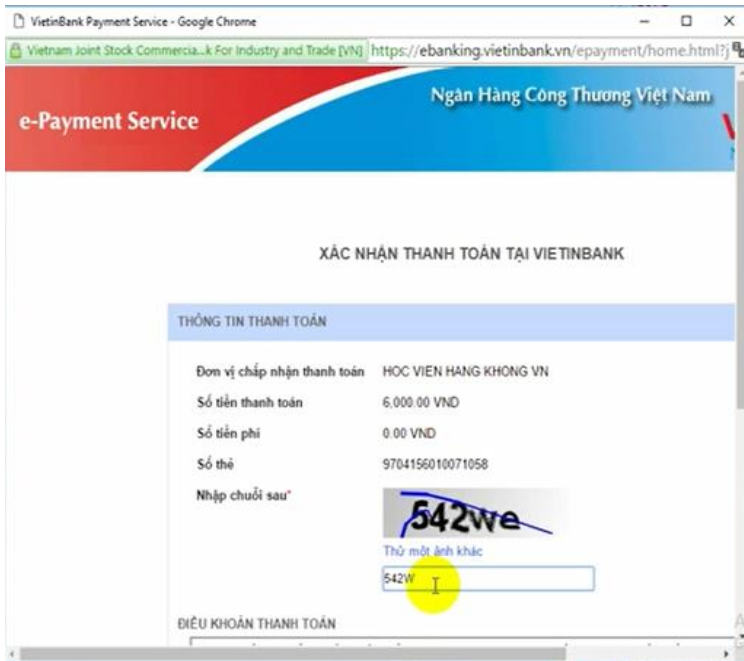
* Số thẻ:
* Tên chủ thẻ:
* Ngày phát hành: / (Tháng/Năm)



[Điều khoản sử dụng](#)

8. Xác nhận thanh toán của Vietinbank

Sở tay sinh viên



9. Xác nhận giao dịch thành công



Lưu ý: Điều kiện sử dụng:

- Khách hàng có tài khoản thẻ E-partner và đã đăng ký sử dụng dịch vụ Thanh toán trực tuyến thẻ E-partner.
- Tài khoản thẻ đang hoạt động và có đủ số dư thanh toán.
- Hạn mức tối đa thanh toán là: 30.000.000VND/ giao dịch





HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, P. 8, Q. Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3844 2251 /3842 2199 – Fax: (84-8) 3844 7523

Email: contact@vaa.edu.vn – Website: www.vaa.edu.vn